CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM Số: 110/QĐ-SHP-HĐQT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc *Tp.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-SHP-HĐQT ngày 28/11/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam về việc thông qua nội dung hiệu chỉnh Quy chế công bố thông tin;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **"Quy chế công bố thông tin"** của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/11/2022 và thay thế cho Quy chế công bố thông tin được ban hành kèm theo Quyết định số 71/QĐ-SHP-HĐQT ngày 23/9/2021 của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các đơn vị, Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam và các cá nhân, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGĐ;
- Chuyên gia;
- Phòng TH, TCKT, KHKT, CNLĐ;
- Lưu: VT, Thư ký.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0303416670 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Đoàn Đức Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
P.106, Lầu 1, tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
ĐT: (84-28) 3820 7795 Fax: (84-28) 3820 7794 Website: www.shp.vn

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
TÀI LIỆU ĐANG CÓ HIỆU LỰC
Ngày 28 tháng 11 năm 2022

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã tài liệu: SHP.2022 .TCKT.QC01

	Họ và tên	Chức danh	Chữ ký
Soạn thảo	Nguyễn Thành Tú Anh	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	
Kiểm tra	Võ Văn Trãi	Tổng Giám đốc	
Phê duyệt	Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	

Lần ban hành: 2	Ngày ban hành: 28/11/2022	Ngày hiệu lực: 28/11/2022

Năm 2022

PHẦN PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

Stt	Tên đơn vị được phân phối tài liệu	Số lượng bản được phân phối
1	Ban Hội đồng Quản trị	05
2	Ban Kiểm Soát	03
3	Ban Tổng Giám đốc	03
4	Cố vấn Công ty	01
5	Phòng Tổng hợp	01
6	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật	01
7	Phòng Tài chính – Kế toán	01
8	Chi nhánh Lâm Đồng	01
9	Ban ISO	01
10	Văn thư Công ty	01

PHẦN KIỂM SOÁT SỬA ĐỔI

STT	Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Vị trí sửa đổi	Tóm tắt nội dung sửa đổi
	01			Cập nhật các quy định mới của VSD và của SGDCKVN

MỤC LỤC

Trang

CHƯƠNG I **1**
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG **1**
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
Điều 2. Tài liệu tham khảo 1
Điều 3. Chữ viết tắc và Giải thích từ ngữ: 2
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin 5
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin 5
Điều 6. Phương tiện báo cáo công bố thông tin 6
Điều 7. Hình thức gửi báo cáo và công bố thông tin: 7
CHƯƠNG II **8**
CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ **8**
Điều 8. Công bố báo cáo tài chính 8
Điều 9. Báo cáo thường niên 9
Điều 10. Báo cáo tình hình quản trị công ty 9
Điều 11. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên 9
CHƯƠNG III **11**
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU **11**
Điều 12. Công bố thông tin bất thường 11
Điều 13. Công bố thông tin theo yêu cầu 14
CHƯƠNG IV **15**
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC **15**
Điều 14. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng. 15
Điều 15. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ 15
CHƯƠNG V **18**
QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN **18**
Điều 16. Quy trình công bố thông tin 18
Điều 17. Tạm hoãn công bố thông tin 28
Điều 18. Cải chính thông tin 28
Điều 19. Trách nhiệm, quyền hạn của Người được ủy quyền CBTT 28
Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin trong việc cung cấp thông tin cho người ủy quyền CBTT 29

CHƯƠNG VI **30**
TỔ CHỨC THỰC HIỆN **30**
Điều 21. Xử lý vi phạm về CBTT 30
Điều 22. Tổ chức thực hiện 30
Điều 23. Hiệu lực thi hành 30
PHỤ LỤC 01 ..... **31**
PHỤ LỤC 02 ..... **34**

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 110/QĐ-SHP-HĐQT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của HĐQT)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về việc tổ chức thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

a. Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP);

b. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật, có liên quan đến cổ phiếu của SHP;

c. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến cổ phiếu của SHP.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

1. Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam;

2. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

3. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

4. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

5. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

6. Quyết định 340/QĐ-SGDCKHCM ngày 19/08/2016 về Quy chế CBTT tại SGDCKHCM;

7. Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/07/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

9. Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán ban hành kèm Quyết định 109/QĐ-VSD ngày 20/08/2021.

10. Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về ban hành Quy chế CBTT

Điều 3. Chữ viết tắc và Giải thích từ ngữ:

1. Các chữ viết tắt:

- SHP : Công ty Cổ Phần Thủy điện Miền Nam
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ công
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- SGDCK VN : Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- SGDCKHCM/HOSE: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- TTLKCKVN/VSD : Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- ECM : Hệ thống quản lý tài liệu điện tử của Hose
- FPTS : Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- CBTT : Công bố thông tin.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban kiểm soát.
- TGĐ : Tổng Giám đốc.
- GĐCN : Giám đốc Chi nhánh
- KTT : Kế toán trưởng
- NQTCT : Người quản trị công ty
- CLQ : Có liên quan
- BCTC : Báo cáo tài chính
- P.TH : Phòng Tổng Hợp
- P.KHKT : Phòng Kế Hoạch Kỹ Thuật
- P.TCKT : Phòng Tài Chính Kế Toán
- CNLĐ : Chi nhánh Lâm Đồng

2. Giải thích từ ngữ

2.1. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

a. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm;

- Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ;

- Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin

b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của SHP;

c. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của SHP;

d. Cổ dông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của SHP;

e. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của SHP.

2.2.Người có liên quan:

Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a. Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;

b. Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e. Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f. Tổ chức, cá nhân khác là người CLQ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2.3. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Điều 6 của Quy chế này

2.4. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của HOSE hoặc ngày UBCKNN, HOSE nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT tùy theo thời điểm nào đến trước.

2.5. Tổ chức niêm yết cổ phiếu là tổ chức có cổ phiếu phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

2.6. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán:

a. Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua HOSE;

b. Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c. Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d. Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e. Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại SHP trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua HOSE.

2.7. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua HOSE;

b. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của SHP;

d. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

f. Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua HOSE.

2.8. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

Việc CBTT cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

3. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và HOSE về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và HOSE 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và HOSE thực hiện công khai thông tin.

4. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc CBTT do người thực hiện CBTT thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 5 quy chế này.

5. Bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử **tối thiểu 10 năm**. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của SHP **tối thiểu là 05 năm**;

b. Các thông tin công bố bất thường theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của SHP trong **tối thiểu 05 năm**

6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của SHP là tiếng Việt. Trường hợp CBTT bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

SHP thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua Người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền.

1. Người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch HĐQT) phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà người đại diện theo pháp luật và người được

ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành SHP có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT; Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT.

2. SHP phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và HOSE trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 01 - Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 02 - Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 6. Phương tiện báo cáo công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	SHP	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN - IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (ECM)
4	Trang thông tin điện tử của VSD	Trang thông tin điện tử của VSD
5	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Báo in, Báo điện tử,v.v...

- SHP khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, HOSE và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử.

- Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế CBTT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

Điều 7. Hình thức gửi báo cáo và công bố thông tin:

1. Đối với tài liệu dưới hình thức bằng dạng văn bản:

Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

– Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.

– Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

SHP không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, HOSE trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo theo Điều 6 quy chế này.

2. Đối với các tài liệu dưới hình thức dữ liệu điện tử:

- SHP thực hiện theo đúng quy định của UBCKNN, HOSE về dữ liệu điện tử khi gửi tài liệu CBTT.
- Dữ liệu điện tử có định dạng word/excel/pdf (word, excel sử dụng bảng mã Unicode). Dữ liệu điện tử được gửi đến UBCKNN, HOSE thông qua địa chỉ email đã đăng ký hoặc phương tiện khác do UBCKNN, HOSE quy định.
- Thông tin công bố là bản scan văn bản đầy đủ nội dung theo quy định với định dạng PDF.
- Trường hợp dữ liệu điện tử gửi qua Hệ thống ECM, định dạng thông tin công bố thực hiện theo quy định của Hệ thống ECM.
- Dung lượng tối đa của dữ liệu điện tử là 15MB, trường hợp dung lượng của dữ liệu điện tử lớn hơn mức tối đa, SHP thực hiện cung cấp đường dẫn đến địa chỉ website có đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố.

3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, SHP vẫn thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của SHP tại Chuyên mục về Quan hệ cổ đông và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

CHƯƠNG II
CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 8. Công bố báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính quý

a. BCTC quý phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.Toàn văn BCTC quý phải được công bố đầy đủ.

b. Thời hạn công bố BCTC quý: SHP phải công bố BCTC quý trong thời **hạn 20 ngày** kể từ ngày kết thúc quý.

2. Báo cáo tài chính bán niên

a. SHP phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. BCTC phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

BCTC bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét BCTC. Toàn văn BCTC bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

b. Thời hạn công bố BCTC bán niên: BCTC niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Báo cáo tài chính năm:

SHP phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a. BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b. SHP phải CBTT về BCTC năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của SHP trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC.

c. Thời hạn công bố: SHP phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán trong thời **hạn 10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt **quá 90 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Khi CBTT các báo cáo tài chính năm, bán niên, quý, SHP phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi **từ 10% trở lên** so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát **xét từ 5% trở** lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Điều 9. Báo cáo thường niên

SHP phải lập báo cáo thường niên theo Biểu mẫu 03 - Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này và công bố báo cáo này trong thời hạn là **20 ngày** kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt **quá 110 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm được kiểm toán.

Điều 10. Báo cáo tình hình quản trị công ty

1. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

SHP phải CBTT về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy Biểu mẫu 04 – Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

2. Báo cáo về Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty.

SHP phải báo cáo về Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo Biểu mẫu 15 - Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và dữ liệu điện tử theo đường link của HOSE cung cấp. Thời hạn gửi: trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

3. Báo cáo về Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty theo Biểu mẫu 16 – Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này và dữ liệu điện tử định dạng excel, cụ thể như sau:

- Báo cáo 06 tháng đầu năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05 và gửi cho HOSE chậm nhất là ngày 10/06;

- Báo cáo 06 tháng cuối năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11 và gửi cho HOSE chậm nhất là ngày 10/12.

Điều 11. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên

1. Tối thiểu **21 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ, SHP phải công bố trên trang thông tin điện tử của SHP và của UBCKNN, HOSE về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời **hạn 24 giờ** kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua.

CHƯƠNG III
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Điều 12. Công bố thông tin bất thường

1. SHP phải CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có):

a. Tài khoản của SHP tại ngân hàng bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b. Khi nhân được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi SHP có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, SHP phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d. Quyết định mua lại cổ phiếu của SHP hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của SHP;

g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty

dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i. Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người CLQ của người nội bộ hoặc người CLQ của SHP;

j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:

- Trường hợp SHP phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm SHP báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp SHP mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- Trường hợp SHP mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của SHP, SHP CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT;

k. SHP thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (CBTT theo mẫu quy định tại biểu mẫu 17 – Phụ lục 02). Đồng thời, SHP gửi cho UBCKNN, HOSE Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo Biểu mẫu 02 - Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

Đối với việc cung cấp thông tin của người nội bộ và người CLQ của người nội bộ theo Biểu mẫu 02- Phụ lục 02:

- SHP liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người CLQ của người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả trường hợp người CLQ có sở hữu và không sở hữu cổ phiếu) tại Mục 16 Biểu mẫu 02 – Phụ lục 02.

- Trường hợp người liên quan không thực hiện cung cấp thông tin theo Mục 16, Công ty ghi chú tại trường số 17 Mục 16 Biểu mẫu 02 – Phụ lục 02, Công ty ghi rõ " người liên quan không cung cấp thông tin".

- Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người CLQ đã cung cấp theo Biểu mẫu 02 – Phụ lục 02 , Công ty báo cáo Hose theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 18 – Phụ lục 02

l. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của SHP căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét.

m.Khi nhận được quyết định khởi tố đối với SHP, người nội bộ của SHP; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của SHP;

n. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của SHP; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

o. SHP nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

doanh nghiệp;

p. Trường hợp SHP nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính SHP, SHP phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

q. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của SHP;

r. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

s. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của SHP tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét;

t. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Công bố thông tin về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Việc CBTT về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

b. Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, **tối thiểu 10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, SHP phải công bố trên trang thông tin điện tử của SHP, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

3. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiệu quyền cho cổ đông hiện hữu:

a. SHP CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu **chậm nhất 10 ngày làm việc** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b. SHP CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCD tối thiểu **20 ngày trước** ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Ngoài ra, trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng, SHP gửi cho HOSE các tài liệu sau:

a. Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo Biểu mẫu 21- Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

b. Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

4. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố: SHP phải CBTT về ý kiến kiểm

toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn theo quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều 8 Quy chế này.

5. CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, SHP công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời **hạn 10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính.

Điều 13. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, SHP phải CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HOSE khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b. Có thông tin liên quan đến SHP ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, HOSE yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của SHP về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG IV
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 14. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng.

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của SHP phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho SHP, UBCKNN và HOSE theo Biểu mẫu 05 – Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của SHP khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho SHP, UBCKNN và HOSE trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Biểu mẫu 06 - Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm 2.7 khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của SHP; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của SHP. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của SHP thực hiện CBTT theo Biểu mẫu 07, Biểu mẫu 08 – Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do SHP mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc SHP phát hành thêm cổ phiếu.

6. SHP phải công bố trên trang thông tin điện tử của SHP trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 15. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của SHP và người CLQ của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN và HOSE, SHP khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần

nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại HOSE (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người CLQ phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo Biểu mẫu 09 - Phụ lục 02 hoặc Biểu mẫu 10 – Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người CLQ phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do HOSE đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ HOSE;

c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d. Người nội bộ và người CLQ không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

e. Trong thời hạn **05 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người CLQ phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Biểu mẫu 11 – Phụ lục 02 hoặc Biểu mẫu 12 – Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này;

f. Người nội bộ và người CLQ là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 14 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người CLQ.

2. Người nội bộ và người CLQ không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 14 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của SHP hoặc người CLQ của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của SHP (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại điều

lệ công ty của SHP phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người CLQ.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, SHP phải công bố trên trang thông tin điện tử của SHP.

CHƯƠNG V
QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 16. Quy trình công bố thông tin

1. Lưu đồ quy trình công bố thông tin:

1.1. Đối với các nội dung công bố định kỳ theo quy định và các thông tin bất thường đã ban hành từ Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

1.1.1. Lưu đồ số 01

Bước	Trách nhiệm	Quy trình
1	Các đối tượng khác và các phòng ban có liên quan	Đối tượng khác(*) gửi thông tin; Các phòng ban có liên quan(**) gửi thông tin; Thông tin thiếu; Báo cáo TGĐ
2	Người được ủy quyền CBTT	Xử lý kiểm tra, đối chiếu thông tin; Thông tin cung cấp chưa đúng theo quy định. Người được ủy quyền CBTT đề nghị các đối tượng cung cấp thông tin bổ sung điều chỉnh thông tin cho phù hợp
3	Nhân viên phụ trách CBTT	Gửi công bố thông tin
4	Nhân viên phụ trách CBTT	Kiểm tra việc CBTT; Chưa nhận được tin CBTT
5	Người được ủy quyền CBTT	Báo cáo Chủ tịch HĐQT
6	Người được ủy quyền CBTT và Công ty	Lưu trữ

(*) Đối tượng khác là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của SHP.

(**) Các phòng ban có liên quan bao gồm: P.TH, P.KHKT, P.TCKT, CNLĐ

1.1.2. Diễn giải:

a. Bước 1: Gửi thông tin

Đối tượng khác

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các đối tượng khác bao gồm: các nhân nhà đầu tư, người nội bộ hoặc người CLQ tập hợp tài liệu thông tin và biểu mẫu cần công bố gửi Người được ủy quyền CBTT. Người được ủy quyền CBTT là đầu mối tiếp nhận các thông tin để chuẩn bị công bố. Thời hạn các nhà đầu tư người nội bộ hoặc người CLQ tập hợp tài liệu thông tin và biểu mẫu cần công bố gửi cho Người được ủy quyền CBTT như sau:

- Đối với thông tin công bố định kỳ : Chậm nhất **02 ngày làm việc** trước thời hạn phải CBTT theo quy định tại **chương II** Quy chế này.

- Đối với thông tin bất thường: Trong **vòng 12 giờ** kể từ khi phát sinh sự việc

- Đối với các thông tin cần công bố khác: Chậm **nhất 01 ngày** làm việc trước thời hạn CBTT theo quy định.

Các phòng ban có liên quan

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các phòng ban có liên quan sẽ trình báo cáo lên Tổng Giám Đốc SHP. Khi Tổng Giám đốc đồng ý duyệt thông tin công bố thì các các phòng ban có liên quan cung cấp thông tin, tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố gửi Người được ủy quyền CBTT. Thời hạn các phòng ban có liên quan gửi tài liệu và thông tin cần thông báo cho Người được ủy quyền CBTT như sau:

- Đối với thông tin công bố định kỳ : Chậm nhất **02 ngày làm việc** trước thời hạn phải CBTT theo quy định tại **chương II** Quy chế này.

- Đối với thông tin bất thường, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, thông tin cung cấp theo yêu cầu: Trong **vòng 12 giờ** kể từ khi xảy ra sự kiện.

- Đối với các thông tin cần công bố khác: Chậm **nhất 01 ngày** làm việc trước thời hạn CBTT theo quy định.

b. Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các các đối tượng khác/các phòng ban có liên quan cung cấp, Người được ủy quyền CBTT kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định theo Quy chế này và của Pháp luật.

Trường hợp thông tin được cung cấp chưa đúng theo Quy chế này và của Pháp luật, Người được ủy quyền CBTT đề nghị các đối tượng khác/các phòng ban có liên quan điều chỉnh, bổ sung, chỉnh sửa và soạn thảo văn bản CBTT theo mẫu (nếu có).

c. Bước 3: Gửi CBTT

Người được ủy quyền CBTT (nhân viên phụ trách CBTT) gửi văn bản CBTT kèm dữ liệu điện tử đến UBCKNN, HOSE, VSD theo đúng thời gian quy định, đồng thời P.TCKT đăng tải lên trang website cty (trang Ezsearch liên kết với FPTS) của SHP.

d. Bước 4: Kiểm tra việc CBTT

Nhân viên phụ trách CBTT kiểm tra các thông tin đã CBTT đã được đăng tải, tiếp nhận tại các kênh trang thông tin điện tử của SHP, UBCKNN, HOSE, VSD. Nếu trường hợp UBCKNN, HOSE, VSD chưa đăng tải nội dung công bố, nhân viên phụ trách CBTT liên hệ với chuyên viên của UBCKNN, HOSE, VSD để đăng tải thông tin.

e. Bước 5: Báo cáo Chủ tịch HĐQT

Đối với các nội dung công bố định kỳ theo quy định và các Điểm e,g, i, k Khoản 1 Điều 12 Quy chế này: Sau khi thẩm định văn bản CBTT, Người được ủy quyền CBTT thực hiện CBTT sau đó báo cáo lại Chủ tịch HĐQT toàn bộ thông tin đã được công bố.

f. Bước 6: Lưu trữ

Thông tin sau khi thực hiện CBTT sẽ được người được ủy quyền CBTT và Công ty lưu trữ.

1.2.Đối với các nội dung công bố thông tin bất thường theo quy định

1.2.1. Lưu đồ số 02

Bước	Trách nhiệm	Quy trình
1	Các đối tượng khác và các phòng ban có liên quan	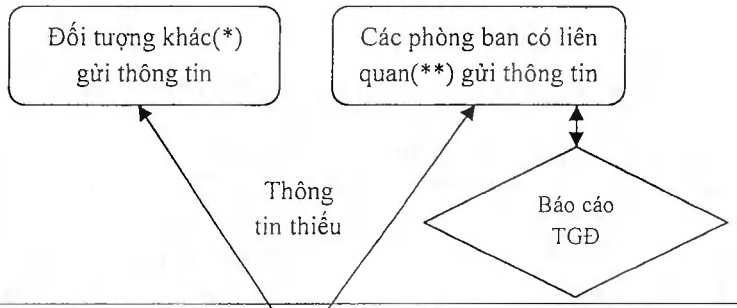
2	Người được ủy quyền CBTT	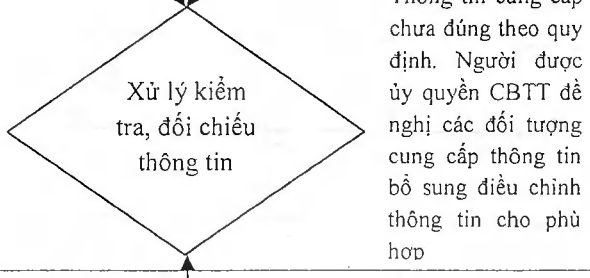
3	Người được ủy quyền CBTT	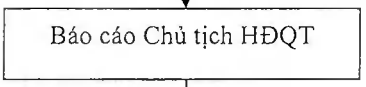
4	Nhân viên phụ trách CBTT	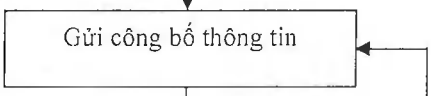
5	Nhân viên phụ trách CBTT	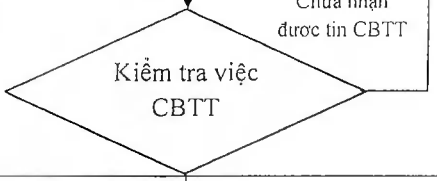
6	Người được ủy quyền CBTT và Công ty	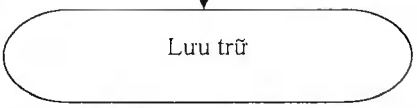

(*) Đối tượng khác là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của SHP.

(**) Các phòng ban có liên quan bao gồm: P.TH, P.KHKT, P.TCKT, CNLĐ

1.2.2. Diễn giải:

a. **Bước 1:** Gửi thông tin (giống mục a điểm 1.1.2 Khoản 1 Điều 16)

b. **Bước 2:** Xử lý thông tin (giống mục b điểm 1.1.2 Khoản 1 Điều 16)

c. **Bước 3:** Báo cáo Chủ tịch HĐQT

Sau khi thẩm định văn bản CBTT, Người được ủy quyền CBTT báo cáo Chủ tịch HĐQT toàn bộ thông tin trước khi công bố.

d. Bước 4: Gửi CBTT (giống mục c điểm 1.1.2 Khoản 1 Điều 16)

e. Bước 5: Kiểm tra việc CBTT (giống mục d điểm 1.1.2 Khoản 1 Điều 16)

f. Bước 6: Lưu trữ (giống mục f điểm 1.1.2 Khoản 1 Điều 16)

2. Tóm tắt nội dung công bố thông tin và Biểu mẫu:

a. Công bố thông tin định kỳ

STT	CBTT Định kỳ	Báo cáo	Thời điểm CBTT	Thời hạn cuối cùng	Biểu mẫu	Cá nhân/ Đơn vị cung cấp
1	Quý I	BCTC Quý I/XX	*Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý*	20/04/XX	Biểu mẫu 14- Phụ lục 02	P.TCKT
2	Quý II	BCTC Quý II/XX	*Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý*	20/07/XX	Biểu mẫu 14- Phụ lục 02	P.TCKT
		BCTC bán niên đã được soát xét	*Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét*	14/08/XX	Biểu mẫu 14- Phụ lục 02	P.TCKT
		Báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm XX	*Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm*	30/07/XX	Biểu mẫu 04- Phụ lục 02	NQTCT
		Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty 06 tháng đầu năm XX	*Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm*	30/07/XX	Biểu mẫu 15- Phụ lục 02	P.TCKT
		Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty	*Danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05/XX*	10/06/XX	Biểu mẫu 16- Phụ lục 02	P.TCKT

STT	CBTT Định kỳ	Báo cáo	Thời điểm CBTT	Thời hạn cuối cùng	Biểu mẫu	Cá nhân/ Đơn vị cung cấp
3	**Quý III**	BCTC Quý III/XX	*Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý*	20/10/XX	Biểu mẫu 14- Phụ lục 02	P.TCKT
4	**Quý IV**	BCTC Quý IV/XX	*Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý*	20/01/XX+1	Biểu mẫu 14- Phụ lục 02	P.TCKT
5	**Năm**	Báo cáo quản trị năm XX	*Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm*	30/01/XX+1	Biểu mẫu 04- Phụ lục 02	NQTCT
		Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty	*Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng cuối năm*	30/01/XX+1	Biểu mẫu 15- Phụ lục 02	P.TCKT
		Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty	*Danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11/XX*	10/12/XX	Biểu mẫu 16- Phụ lục 02	P.TCKT
		Báo cáo kiểm toán năm XX	*Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo*	31/03/XX+1 *BCTC kiểm toán phải CBTT trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (Có năm rơi vào ngày 30/03, có năm là 31/03)*	Biểu mẫu 14- Phụ lục 02	P.TCKT

STT	CBTT Định kỳ	Báo cáo	Thời điểm CBTT	Thời hạn cuối cùng	Biểu mẫu	Cá nhân/ Đơn vị cung cấp
		Báo cáo thường niên năm XX	*Trong thời hạn 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán*	20/04/XX+1	Biểu mẫu 03-Phụ lục 02	P.TCKT
		Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	*Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng phải CBTT*	-	Biểu mẫu 14-Phụ lục 02	NQTCT
		Tài liệu ĐHĐCĐ	*Trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là hai mươi mốt (21) ngày*	-	Biểu mẫu 14-Phụ lục 02	NQTCT

Ghi chú: *XX: năm của kỳ báo cáo*

b. Công bố thông tin bất thường và các thông tin khác.

STT	Nội dung	Trách nhiệm cung cấp thông tin	Biểu mẫu, Phụ lục
I	**CBTT 24 giờ**		**Biểu mẫu 14-Phụ lục 02**
1	Tài khoản của SHP tại ngân hàng bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	**P.TCKT**	

STT	Nội dung	Trách nhiệm cung cấp thông tin	Biểu mẫu, Phụ lục
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi SHP có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	P.TH	Biểu mẫu 14 *hoặc Biểu mẫu 22- Phụ lục 2 (PL III QĐ 21/QĐ/SGSCKVN)*
3	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, SHP phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn	NQTCT	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của SHP hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	NQTCT	
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	NQTCT	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay dổi dịa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của SHP	NQTCT	

STT	Nội dung	Trách nhiệm cung cấp thông tin	Biểu mẫu, Phụ lục
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	**P.TCKT**	
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	**NQTCT**	
9	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người CLQ của người nội bộ hoặc người CLQ của SHP	**NQTCT**	
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết	**P.TCKT**	**Mẫu 20-PL 02**
11	SHP thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Đồng thời, SHP gửi cho UBCKNN, HOSE Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới	**NQTCT**	**Mẫu 02 và mẫu 17, 18 Phụ lục 02**
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của SHP căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét	**NQTCT**	
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với SHP, người nội bộ của SHP; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của SHP	**P.TH/ NQTCT**	
14	Khi nhận được bản án, quyết định dã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của SHP; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	**NQTCT/ P.TCKT**	
15	SHP nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	**P.TH**	
16	Trường hợp SHP nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính SHP, SHP	**Các đơn vị phòng ban**	

STT	Nội dung	Trách nhiệm cung cấp thông tin	Biểu mẫu, Phụ lục
	phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	liên quan trực tiếp	
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của SHP		
18	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	NQTCT	
19	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của SHP tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	NQTCT	
20	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	NQTCT	
II	**CBTT khác**		
1	CBTT về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	NQTCT	**Biểu mẫu 14 – Phụ lục 02**
2	CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu - SHP CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến **thực hiện quyền** cho cổ đông hiện hữu **tối thiểu 10 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. - SHP CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp **ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	NQTCT, P.TCKT	**Biểu mẫu 14 và mẫu 23– Phụ lục 02**
3	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, SHP phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn theo quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều 8 Quy chế này	P.TCKT	**Biểu mẫu 14 – Phụ lục 02**

STT	Nội dung	Trách nhiệm cung cấp thông tin	Biểu mẫu, Phụ lục
4	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	– P.TCKT	Biểu mẫu 14 – Phụ lục 02
5	Tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày _để_ (Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng)	P.TCKT	Biểu mẫu 21 – Phụ lục 02

Điều 17. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng CBTT báo cáo UBCKNN, HOSE về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý đo của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 18. Cải chính thông tin

Trường hợp sau khi thực hiện CBTT, SHP nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, người được ủy quyền CBTT kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Việc cải chính thông tin đã công bố được thực hiện theo Điều 16 Quy chế này.

Điều 19. Trách nhiệm, quyền hạn của Người được ủy quyền CBTT

1. Trách nhiệm

a. Đại diện cho SHP trong việc thực hiện CBTT

b. Là đầu mối tiếp nhận các thông tin từ các đơn vị phòng ban SHP, nhà đầu tư, hoặc người nội bộ CLQ khác để tổng hợp, chỉnh sửa báo cáo để CBTT.

c. Chịu trách nhiệm, kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành.

d. Chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của SHP với UBCKNN, HOSE, nhà đầu tư và những người có quyền lợi liên quan theo các quy định của pháp luật, quy chế này và Điều lệ SHP.

e. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, TGĐ về việc thực hiện CBTT.

2. Quyền hạn

a. Người được ủy quyền CBTT là người được người đại diện theo pháp luật của SHP ủy quyền CBTT.

b. Đề xuất, kiến nghị HĐQT hoặc TGĐ về những hoạt động liên quan đến CBTT, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

c. Yêu cầu các đơn vị phòng ban SHP, nhà đầu tư, hoặc người CLQ cung cấp/chỉnh sửa và báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn.

d. Theo dõi những công việc có liên quan hoặc ảnh hưởng đến CBTT của SHP.

e. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin trong việc cung cấp thông tin cho người ủy quyền CBTT

1. Theo dõi và thực hiện đúng quy trình này.

2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Người được ủy quyền CBTT.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của thông tin cung cấp cho Người được ủy quyền CBTT.

CHƯƠNG VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Xử lý vi phạm về CBTT

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế CBTT này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ báo cáo HĐQT xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ, P.TH, P.KHKT, P.TCKT, CNLĐ và các cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo về P.TCKT để tổng hợp, trình HĐQT xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật, Điều lệ SHP có liên quan đến việc CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có những quy định mới của pháp luật, Điều lệ mới của SHP khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nội dung CBTT thuộc Quy chế này.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có 06 Chương, 23 Điều, 02 Phụ lục (gồm 23 Biểu mẫu) được phê duyệt bởi HĐQT và có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Đoàn Đức Hưng

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC CÁC MẪU BIỂU LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin ngày 28/11/2022 của Công ty)

STT	Tên	Mẫu, Phụ lục
I. Các biểu mẫu theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính		
1	Giấy uỷ quyền thực hiện CBTT	Biểu mẫu 01 (Phụ lục I-TT 96/2020/TT-BCT)
2	Bản cung cấp thông tin	Biểu mẫu 02 (Phụ lục III - TT 96/2020/TT-BCT)
3	Báo cáo thường niên	Biểu mẫu 03 (Phụ lục IV - TT 96/2020/TT-BCT)
4	Báo cáo tình hình quản trị công ty	Biểu mẫu 04 (Phụ lục V -TT 96/2020/TT-BCT)
5	Báo cáo về ngày trở thành /không trở thành là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu	Biểu mẫu 05 (Phụ lục VII - TT 96/2020/TT-BCT)
6	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu	Biểu mẫu 06 (Phụ lục VIII - TT 96/2020/TT-BCT)
7	Báo cáo về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu	Biểu mẫu 07 (Phụ lục IX - TT 96/2020/TT-BCT)
8	Báo cáo thay đổi về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu	Biểu mẫu 08 (Phụ lục X -TT 96/2020/TT-BCT)
9	Thông báo giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Biểu mẫu 09 (Phụ lục XIII - TT 96/2020/TT-BCT)
10	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của	Biểu mẫu 10 (Phụ lục XIV - TT 96/2020/TT-BCT)

	người nội bộ và người có liên quan	
11	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan	Biểu mẫu 11(Phụ lục XV - TT 96/2020/TT-BCT)
12	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan	Biểu mẫu 12(Phụ lục XVI - TT 96/2020/TT-BCT)
II. Các biểu mẫu theo Quyết định 340/QĐ-SGDCKHCM ngày 19/8/2016 của SGDCKHCM về Quy chế CBTT tại SGDCKHCM. **Các biểu mẫu theo Quyết định 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của SGDCK Việt Nam**		
13	Đăng ký thông tin liên hệ của tổ chức	Biểu mẫu 13 (CBTT/SGDHCM-01)
14	CBTT trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và SGDCKHCM	Biểu mẫu 14 (PL VI- QĐ số 21)
15	Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty	Biểu mẫu 15 (CBTT/SGDHCM-03)
16	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ	Biểu mẫu 16 (CBTT/SGDHCM-04)
17	Thông báo thay đổi nhân sự	Biểu mẫu 17 (PL I-QĐ số 21)
18	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ	Biểu mẫu 18 (PLII-QĐ số 21)
19	Thông báo đăng ký (thay đổi) mô hình công ty và loại Báo cáo tài chính	Biểu mẫu 19 (PL IV-QĐ số 21)
20	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	Biểu mẫu 20 (PL V QĐ số 21)
21	Tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày _ để _	Biểu mẫu 21 (CBTT/SGDHCM-09)
22	Thông báo thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt đông/Giấy phép hoạt động	Biểu mẫu 22 PL III Quyết định số 21
III. Biểu mẫu theo Quyết định 109/QĐ-VSD ngày 20/08/2021 của VSD về Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán		

23	Thông báo Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền	Biểu mẫu 23 **Mẫu 07/THQ**

PHỤ LỤC 02

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin ngày 28/11/2022 của Công ty)

1. Biểu mẫu 01 - GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Phụ lục I. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

TÊN CÔNG TY COMPANY'S NAME	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom – Happiness
Số: ..../GUQ-... No: .../GUQ-...	*..., ngày... tháng....năm....* *...., month ... day...year.....*
Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin* Power of the attorney to Disclose information*	

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là "Bên A") (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin)/*Principal (hereinafter referred to as "Party A" - is a company, organization with obligation to disclose information):*

- Tên giao dịch của tổ chức, công ty/ *Trading name of organization, company:* ....

- Tên quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng (trường hợp công ty quản lý quỹ đăng ký người được ủy quyền công bố thông tin cho quỹ đại chúng)/ *Name of public securities investment fund (in case the fund management company registers authorized person to disclose information for public fund)* .....

- Mã chứng khoán/Securities *code:*

- Địa chỉ liên lạc/*Address:*

Điện thoại/*Telephone:*..... Fax: ..... Email:.....-

Website: .....

II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là "Bên B") /*Attorney-in-fact (hereinafter*

referred to as "Party B"):

- Ông (Bà)/*Mr (Ms/Mrs):*

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID *card No. (or Passport No.):* .....

Ngày *cấp/Date of issue*..... Nơi cấp/*Place of issue*...

- Địa chỉ thường trú/ *Permanent residence:*

- Chức vụ tại tổ chức, công ty/ *Position in the organization, company:*

III. Nội dung ủy quyền *(Content of authorization):*

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm "Người được ủy quyền công bố thông tin" của Bên A/*Party B is appointed as the "Authorized person to disclose information" of Party A.*

- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Party B, on behalf of Party A, is responsible to perform the disclosure obligations fully, accurately and promptly in accordance with the law.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ..... đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của ..... (Tên tổ chức, công ty, công ty quản lý quỹ)/ *This Power of Attorney shall take effect from... until a written notice of revocation is submitted by .....(Name of organization, company/ Name of fund management company).*

BÊN A / NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT PARTY A/ *LEGAL REPRESENTATIVE* *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* *(Signature, full name and seal)*	BÊN B /PARTY B *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Signature, full name)*

Tài liệu đính *kèmlAttachments:*

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục 3/*Curriculum vitae of the authorized person to disclose information as Appendix 03;*

Ghi chú: Đối với tổ chức là nhà đầu tư nước ngoài, bên A là người đại diện theo pháp luật được thay thế bằng người đại diện theo thẩm quyền.

Note: For an organisation that is a foreign investor, party A is the legal representative instead of authorised representative.

2. Mẫu biểu 02 - BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Phụ lục III. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

...., ngày.... tháng ... năm....
...., day .... month .... year....

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ *CIRRICULLUM VITAE*

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:
- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên */Full name:*

2/ Giới tính/Sex:

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth:*

4/ Nơi sinh/Place *of birth:*

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ *ID card No. (or Passport No.):*

Ngày *cấp/Date of issue* ..... Nơi cấp/*Place of issue* .....

6/ Quốc *tịch/Nationality:*

7/ Dân tộc/*Ethnic:*

8/ Địa chỉ thường *trú/Permanent residence:*

9/ Số điện/*Telephone number:*

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules:*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure:*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức *khác/Positions in other companies:*

14/ Số CP nắm giữ: .... chiếm .....% vốn điều lệ, trong *đó/*

Number of owning shares ....., accounting for ....% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual:*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* */List of affiliated persons of declarant:*

---

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt *No*	Mã CK *Securities symbol*	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if available)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if available)*	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ *Relationship with the company/ internal person*	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type *of documents ID/Passport/ Business Registration Certificate*	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp *Date of issue*	Nơi cấp *Place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address / Head office address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of shares owned at the end of the period*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time the person became an affiliated person/ internal person*	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person*	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) *Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)*	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) *Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)*
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Nguyễn Văn A	xxxxxxx	Chủ tịch HĐQT *Chairman of the Board of Directors*		CMND *ID*	024123456	17/12/2015	HCM City's Public Security	16 Võ Văn Kiệt, District 1, HCMC			01/01/2020	15/05/2020	Miễn nhiệm *Dismissed*	
1.01		Nguyễn Thị B	yyyyyyy		Vợ *wife*	CMND ID Card No.	025123456	11/05/2016	HCM City's Public Security	1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, District 1, HCMC			04/05/2018			
1.02																
15		Nguyễn Văn C	zzzzzzzz	Kế toán trưởng *Chief*		CMND ID Card	020123456	11/02/	Public Security				14/03/2020		Bổ nhiệm *Appointe*	

				Accountant		No.		2011							*d*	
....																
125		Nguyễn Thị D			Con Child											No ID Card
126		Công ty Cổ phần ABC			Tổ chức có liên quan *Related organisation*	GCNĐKDN *Business Registration Certificate*	30123456	15/10/2014					15/04/2020		Bổ nhiệm *Appointed*	Nguyễn Văn c là thành viên HĐQT CTCP ABC *Board member*

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu *có)/Related interest with public company, public fund (if any):*

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI /
DECLARANT
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

3. Biểu mẫu 03 - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Phụ lục IV. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

TÊN CÔNG TY
COMPANY'S NAME

Số: .../BC-....
No: ..../BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

..., ngày... tháng...năm....
...., month... day...year...

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm /Year

Kính gửi: .....
To:.....

I. Thông tin chung/General *information*

1. *Thông tin khái quát/General information*

- Tên giao dịch/*Trading name:*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp *số/Business Registration Certificate No.:*
- Vốn điều lệ/*Charter capital:*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital:*
- Địa *chỉ/Address:*
- Số điện thoại/*Telephone:*
- Số fax/Fax:
- Website;
- Mã cổ phiếu (nếu *có)/Securities code (if any):*
- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến *nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).*
- Các sự kiện khác/ Other *events:*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business *lines:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of*

the total revenue in the last 02 years).

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Entrprises).*

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure.*

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies:* (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/Specify *the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies).*

4. Định hướng phát triển/Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công *ty / Main objectives of the Company.*

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term.*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công *ty / Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

5. Các rủi ro/Risks:(Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, *...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:* Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... */specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- Tình hình thực hiện so với kế *hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan:* So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt

các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years.*

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List *of the Board of Management:* (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, *curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.*

- Những thay đổi trong ban điều hành/changes *in the Board of Management:* (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (List *the changes in the Board of Management in the year).*

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

3. Tình hình dầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments:* Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết*)/specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achlevement/failure to achieve the announced and committed targets.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies:* (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết*)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu/ *Indicators*	**Năm/ *Year* X-1**	**Năm/ *Year* X**	**% tăng giảm/ % *change***
** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân*			

hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions: Tổng giá trị tài sản/*Total asset* Doanh thu thuần/Net *revenue* Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ *Profit from business activities* Lợi nhuận khác/Other *profits* Lợi nhuận trước *thuế/Profit before tax* Lợi nhuận sau thuế/Profit *after tax* Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/*Payout ratio* * *Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:* Tổng giá trị tài sản/Total *asset value* Doanh thu/Revenus Thuế và các khoản phải nộp/*Taxes and payables* Lợi nhuận trước thuế/Before *tax profit* Lợi nhuận sau thuế/After *tax profit*			

- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures:* (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần *nhất/ depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).*

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators:*

Chỉ tiêu/ *Indicators*	**Năm/ *Year* X-1**	**Năm/ *Year* X**	**Ghi chú/Note**
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn/*Current ratio:* Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn *(Short term Asset/Short term debt)* + Hệ số thanh toán nhanh/*Quick ratio:* Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn *Short term Asset - Inventories*			

Chỉ tiêu/ *Indicators*	Năm/ *Year* X-1	Năm/ *Year* X	Ghi chú/Note
Short term Debt			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio + Hệ số Nợ/Tổng tài sản *(Debt/Total assets ratio)* + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu *(Debt/Owner's Equity ratio)*			
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio + Vòng quay hàng tồn kho/ *Inventory turnover:* Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân *(Cost of goods sold/Average inventory)* + Vòng quay tổng tài *Sản/Total asset turnover:* Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân *(Net revenue/ Average Total Assets)*			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần *(profit after tax/ Net revenue Ratio)* + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu *(profit after tax/ total capital Ratio)* + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản *(profit after tax/ Total assets Ratio)* + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần *(Profit from business activities/ Net revenue Ratio)*			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For *credit institutions and non-bankfinancial institutions:*

Chỉ *tiêu/ Indicators*	Năm/ *Year* X-1	Năm/ *Year* X	Ghi chú/*Note*

1. Quy mô vốn/Capital size			
- Vốn điều lệ*l Charter Capital*			
Tổng tài sản có*I Total assets*			
Tỷ lệ an toàn vốn/*Capital adequacy ratio*			
2. *Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results*			
Doanh số huy động tiền gửi/*Cash deposits*			
Doanh số cho vay/ *Lendings*			
Doanh số thu nợ/ *Debt collection*			
Nợ quá hạn/*Overdue debts*			
Nợ khó đòi/ *Bad debt*			
Hệ số sử dụng vốn/*Incremental Capital Output Ratio*			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/*Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio*			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư *nợ/Overdue debts/ Total debt Ratio*			
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/*Bad debt/ Total debt Ratio*			
3. *Khả năng thanh khoản/Solvency*			
Khả năng thanh toán ngay/ *Short term solvency*			
Khả năng thanh toán chung/ *General solvency*			

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/ *Shares:* Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền,

nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify *total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure:* Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ *Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity:* Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp)/specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks:* Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities:* nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify *other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The *total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The *percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến *này/The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/the *total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/The *average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/The *skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/The *community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công *ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The *Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/The *Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài *sản/Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ Analysis *of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Assessment *concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao *động/Assessment concerning the labor issues*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Assessment *concerning the corporate responsibility for the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ Assessments *of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công

ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

V. Quản trị công *ty/Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(The *list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).*

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the *committees of the Board of Directors:* (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The *list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee).*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors:* đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing *activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.*

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members.* Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees:* (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing *activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results).*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/the *list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate gorvenance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/The *list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company).*

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing *activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/ Audit Committee's meetings, their contents and results).*

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi *ích/Salary, rewards, remuneration and benefits;* (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).*

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons).*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders:* Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công *ty/Assessing the*

Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance).*

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explaination. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).*

Nơi nhận:
Recipients:
- ….;
- Lưu: VT, ...
- Archived:…

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)

4. Biểu mẫu 04 - BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phụ lục V. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

TÊN CÔNG TY
COMPANY'S NAME

Số: .../BC-...
No: ..../BC-..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

..., ngày... tháng....năm....
...., month... day....year...

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng/năm)
(6 months/year)

Kính gửi:
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:
- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company:
- Địa chỉ trụ sở chính/*Address of headoffice:*
- Điện thoại/*Telephone:* Fax: Email:
- Vốn điều *lệ/Charter capital:*
- Mã chứng khoán/Stock *symbol:*
- Mô hình quản trị công ty/*Governance model:*

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc /*General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.*

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/ *General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors.*

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực

hiện/The *implementation of internal audit: Implemented/ Not yet implemented.*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn *bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

Stt *No.*	Số Nghị quyết/Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)Information about the members of the Board of Directors:

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *Board of Directors' members*	Chức vụ/ *Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập *The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors*	
			Ngày bổ nhiệm *Date of appointment*	Ngày miễn nhiệm *Date of dismissal*
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt *No.*	Thành viên HĐQT/ *Board of Director' member*	Số buổi họp HĐQT tham dự/ *Number of meetings attended by Board of Directors*	Tỷ lệ tham dự họp/ *Attendance rate*	Lý do không tham dự họp/Reasons *for absence*
	Ông/Bà			

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board

of Management by the Board of Directors:

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

Stt No	Số Nghị quyết/ Quyết định *Resolution/Decision No.*	Ngày *Date*	Nội dung *Content*	Tỷ lệ thông qua *Approval rate*

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/**Board of Supervisors/Audit Committee** (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

Stt *No.*	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán *Members of Board of Supervisors/ Audit Committee*	Chức vụ *Position*	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán *The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee*	Trình độ chuyên môn *Qualification*
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

Stt *No.*	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán *Members of Board of Supervisors/ Audit Committee*	Số buổi họp tham dự *Number of meetings attended*	Tỷ lệ tham dự họp *Attendance rate*	Tỷ lệ biểu quyết *Voting rate*	Lý do không tham dự họp *Reasons for absence*
	Ông/Bà Mr./Ms.				

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám

đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the *coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

IV. Ban điều hành/Board *of Management*

STT *No.*	Thành viên Ban điều hành/Members *of Board of Management*	Ngày tháng năm sinh *Date of birth*	Trình độ chuyên môn *Qualification*	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ *Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /*
	Ông/ Bà *Mr/Ms.*			

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên *Name*	Ngày tháng năm sinh *Date of birth*	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ *Qualification*	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm *Date of appointment/ dismissal*

VI. Đào tạo về quản trị công *ty/Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of*

the Company

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/individual*	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) *Securities trading account (ifany)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the Company (if any)*	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp *NSH No.*, date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan *Time of starting to be affiliated person*	Thời điểm không còn là người có liên quan *Time of ending to be affiliated person*	Lý do *Reasons*	Mối quan hệ liên quan với công ty/ *Relationship with the Company*

Ghi chú/Note: số Giấy NSH: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

STT *No.*	Tên tổ chức/cá nhân *Name of organization/ individual*	Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*	Số Giấy NSH* ngày cấp, nơi cấp *NSH No.* date of issue, place of issue*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Address*	Thời điểm giao dịch với công ty *Time of transactions with the Company*	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) *Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*

						Board of Directors (if any, specifying date of issue)		

Ghi chú/Note: số Giấy NSH: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm *soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Stt *No.*	Người thực hiện giao dịch *Transaction executor*	Quan hệ với người nội bộ *Relationship with internal persons*	Chức vụ tại CTNY *Posittion at the listed Company*	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of Issue*	Địa chỉ *Address*	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát *Name of subsidiaries or companies which the Company control*	Thời điểm giao dịch *Time of transaction*	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ *Content, quantity, total value of transaction*	Ghi chú *Note*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/Share *transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội *bộ/The list of internal persons and their affiliated persons* công *ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

stt No.	Họ tên *Name*	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)*	Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position at the company (if any)*	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *ID card No./Passport No., date of issue, place of issue*	Địa chỉ liên hệ *Address*	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *Percentage of share ownership at the end of the period*	Ghi chú *Note*
1	(Tên người nội bộ/ *Name of internal person)*							

	Tên người có liên quan của người nội bộ/ *Name affiliated persons*							
2								

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch *Transaction executor*	Quan hệ với người nội bộ *Relationship with internal persons*	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *Number of shares owned at the beginning of the period*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) *Reasons for increasing, decreasing (buying,* selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu Number of shares	*Tỷ lệ Percentage*	Số cổ phiếu ***Number of shares***	Tỷ lệ *Percentage*	

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Nơi nhận:
Recipients:
- ...;
- Lưu: VT ,...
- Archived: ...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Sign, full name and seal)

5. Biểu mẫu 05 - BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG

Phụ lục VII. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN COMPANY'S NAME/ FULL NAME	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom – Happiness
Số: ..../BC-.... No: ..../BC-....	*..., ngày... tháng...năm...* *...., month ... day year...*

BÁO CÁO

Về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng

REPORT ON THE DA YBECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS, INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND CERTIFICATES

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of The public company/The fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư */Name of individual/ organisation:*
- Quốc *tịch/Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương

(đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ID *card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Contact Address/ address of head office:*

- Điện *thofd Telephone:* ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated persons/ organisation (currently owning the same types of shares/fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/Full *name of affiliated persons:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi *Cấp/ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No. or License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with individuals/ organisations:*

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán/ *Ownership percentage of shares:*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/Name *& code of shares/fund certificates owned:*

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục *3/Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above:* Tại công ty chứng khoán/At *the securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/Number, *ownership percentage of shares or fund certificates owned before the transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của quỹ *đóng/Number of shares or fund certificates purchased, sold, transferred or swapped at the date that changed the ownership percentage and became or ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund's certificates:*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán *đổi/Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned after the transaction (or the swap):*

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ *5%* chứng

chỉ quỹ của quỹ *đóng/The trading date (or swap date) that changed the ownership percentage and became /ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-endfund certificates:*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/*Number, onwership percentage of shares or fund certificates currently owned by the affiliated persons:*

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/Number, *ownership percentage of shares or fund certificates owned by individuals/organizations together with affiliated persons after the transaction:*

Nơi nhận: *Recipients:* - ...; - Lưu: VT, ... - Archived: ...	CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN ORGANIZATION/INDIVIDUAL AUTHORIZED TO REPORT AND DISCLOSE INFORMATION *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)* *(Signature, full name and seal - if any)*

6. Biểu mẫu 06 - BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG

Phụ lục VIII. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME

Số: ..../BC-....
No: ..../BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

..., ngày... tháng...năm....
..., month ... day ..... year ....

BÁO CÁO
Về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ đóng
REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:
- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund management company,

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/investor*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/*Name of individual/orgamsation*
- Quốc tịch/*Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại: ..... Fax: .... Email: ..... Website: .....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated person of individual/organisation (currently holding the same types of shares/fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/Full *name of affiliated individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position in the public company/fund management company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with the individual/organization:*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name of shares/fund certificates/ code of securities owned:*

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục *3lTrading accounts with shares at above-mentioned 3 point:* Tại công ty chứng khoán/in *the securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/Number, *ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi *(làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1 %)/ Number of shares/fund certificates bought/sold/transferred/received the transfer/swaped (making the ownership percentage change over the threshold of one percent (1%):*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held after the transaction:*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/*Number and ownership percentage of shares/close-ended fund certificates currently held by the affiliated person:*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held affiliated persons after the transaction:*

10. Lý do thay đổi sở hữu/Reasons *for ownership change:*

11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ *Trading day changes the ownership percentage:*

12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/*Other significant changes (if any):*

Nơi nhận: *Recipients:* - ….; - Lưu: VT, … - Archived: ….	CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN *REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION* *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)* *(Signature, full name and seal - if any)*

7. Biểu mẫu 07 - BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG

Phụ lục IX. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME

Số: ..../BC-....
No: ..../BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

..., ngày... tháng...năm....
..., month ... day ...,. year ....

BÁO CÁO

Về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng

REPORT ON O WNERSHIP OF GROUP OF AFFILI A TED FOREIGN INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OFSHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý các quỹ đóng.

To:
- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the close - ended fund management company.

1. Chúng tôi là: *(thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin)*/We are *(information about the designated organisation /individual authorized to perform obligations of ownership reporting and information disclosure)*

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân *Name of individual/organisation*	**Số Giấy NSH* Owner's Certificate**	**Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/Address**

	number *	*of Head office (Permanent address)/tel/fax/email*
1-Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/In *case of an designated organisation (Name of Company A/Fund A, full name of legal representative/authorized representative, Owner's Certificate number, head office address*		
a) Tên tổ chức/Name of organisation:		
b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền/Full *name of legal representative /list of authorized individuals:*		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc):/In *case of an authorized individual (Full name, Owner's Certificate Number, contact address)*		

Ghi chú NSH: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương.*

Note: Owner's Certificate: For an individual: Validpassport/other legal personal identification; For an organisations: License of establishment and operation/business registration certificate /equivalent legal document.*

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/ The *designated/authorized representative to carry out ownership reporting and information disclosure obligations to the group of following affiliated foreign investors:*

STT/No	**Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name *of affiliated foreign investor***	**MSGD của nhà đầu tư/ *Trading code of the investor***	**Tên đại diện giao dịch (nếu *Name of trading representative (if any)***
1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng /mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo/*Name of shares/close-ended fund certificates/securities code owned as reporting object:*

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/*The trading day*

changes the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors to become or be no longer major shareholders/investors:

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên dẫn tới cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/*Details of the securities trading situation of members leading to the group of affiliated foreign investors becoming or being no longer major shareholders/investors*

TT /No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/Atame *of affiliated foreign investors conducting the transaction*	Tài khoản giao dịch chứng khoán/ *Secuirities trading account*	Tài khoản lưu ký chứng khoán/ *Securities depository account No.*	Trước giao dịch /Before trading		Sau giao dịch /After trading		Số lượng đã giao dịch (Mua/ bán) Number traded (Buy/ sell)
				Số lượng sở hữu/ *Number of ownership*	Tỷ lệ sở hữu/ *Owners hippercen tage*	Số lượng sở hữu/ *Number of ownership*	Tỷ lệ sở hữu/ *Owner ship percen tage*	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8>|(6)-(4)|
1								
2								
Tổng cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Total group of affiliatedforeign investors								

Ghi chú/Notes:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/The report is made when the group member's transactions change the group's ownership percentage to become or to be no longer a major shareholder/investor;

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/The report details the ownership situation of all group members, including non-trading members

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities depository account is an investor's account opened at the custodian bank (if any) or a securities

trading account

6. Ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lơn/ *Date of becoming or being no longer major shareholder/investor:*

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng/We *hereby certify that the above-mentioned information is completely true and correct.*

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin/ *Signature of designated organisation/individual authorized to report the ownership and disclose information*

- Trường hợp là cá nhân/In*case of an individual:*

Họ và tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền/ *Full name, signature of authorized individual:* _____

- Trường hợp là tổ chức/In *case of an organisation:*

Tên tổ chức được chỉ định*/Name of designated organisation:*_____

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu) *(Full name, signature of authorized representatives and seal - if any)*

_____

Chức danh/Title:

Ngày thực *hiện/Reporting date*

8. Biểu mẫu 08 - BÁO CÁO THAY ĐỔI VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG

Phụ lục X. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME

Số: ..../BC-....
No: ..../BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

..., ngày... tháng...năm....
..., month ... day ..... year ....

BÁO CÁO

Thay đổi về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ động lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ đóng

REPORT ON OWNERSHIP CHANGE OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE ENDED FUND CERTIFICATES

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng Công ty quản lý các quỹ đóng.

To:
- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the close - ended fund management company.

1. Chúng tôi là: *(thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin/We* are: *(information about the designated organisation/individual authorized to perform obligations of ownership reporting and information disclosure)*

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân/*Nam of individual/organisation*	**Số Giấy NSH* */Owner's Certificate number***	**Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/Address *of Head office (Permanent address) /tel/fax/email***
1-Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/In *case of an designated organisation (Name of Company A/Fund A, full name of legal representative/authorized representative, Owner's Certificate number, head office address*		
a)Tên tổ chức/*Name of organisation:*		
b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền/Full *name of legal representative /list of authorized representatives:*		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc)/In *case of an authorized individual (Full name, Owner's Certificate Number, permanent address):*		

Ghi chú NSH: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương.*

Note: Owner's Certificate: For an individual: Validpassport/other legal personal identification; For an organisation: License of establishment and operation/buslness registration certificate/equivalent legal document.*

2. Đại diện được chỉ dịnh/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/The *designated/authorized representative to carry out ownership reporting and information disclosure obligations to the group of following affiliated foreign Investors:*

STT/No	**Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name *of affiliated foreign investor***	**MSGD của nhà đầu tư/*Trading code of the investor***	**Tên đại diện giao dịch (nếu có)/*Name of trading representative (if any)***
1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng/mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo

cáo/ *Name of shares/close-ended fund certificates/securities code owned as reporting object:*

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/The *trading day changes the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the thresholds of one percent (1%):*

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên trong nhóm, dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/*Detailed information on the securities trading situation of the group members, leading to the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the threshold of one percent (1%)*

TT /No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/Name of affiliated foreign investors conducting the transaction	Tài khoản giao dịch chứng khoán/ Securitie trading account	Tài khoản lưu ký chứng khoán/ Securities depository account	Trước giao dịch/ Before trading		Sau giao dịch/ After trading		Số lượng đã giao dịch (Mua/bán) Number traded (Buy/sell)
				Số lượng sở hữu/ Number of ownership	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage	Số lượng sở hữu/ Number of ownership	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=|(6)-(4)|
1								
2								
Tổng cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Total group of affiliated foreign investors								

Ghi chú/Notes:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1 %); The report is made when group members' transactions lead to the group's ownership percentage exceeding thresholds of one percent (1 %)

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/The report details the ownership

situation of all group members, including non-trading members

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities depository account is an investor's account opened at the custodian bank (if any) or a securities trading account

6. Ngày thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm *(1%)/Date of changing the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the thresholds of one percent (1%):*

7. Các thay đổi quan trọng khác nếu có/*Other significant changes (if any):* Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng/We *hereby certify that the above-mentioned information is completely true and correct,*

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông *tin/Signature of designated organisation/individual authorized to report the ownership and disclose information*

- Trường hợp là cá nhân/in *case of an individual:*

Họ và tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền:*/Full name, signature of authorized individual:* _____

- Trường hợp là tổ chức/In *case of an organisation:*

Tên Tổ chức được chỉ định/We *of designated organisation:* _____

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu) */(Full name, signature of authorized representatives and seal - if any)*

Chức danh/Title:

Ngày thực hiện/ *Reporting date*

9. Biểu mẫu 09 - THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Phụ lục XIII. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME

Số: ..../BC-....
No: ..../BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

..., ngày... tháng...năm....
..., month ... day ..... year ....

THÔNG BÁO

Giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:
- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/Name *of individual/organisation:*
- Quốc tịch/*Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/ *Telephone:*. ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:*

- Quốc *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID *card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường *trú/Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* ..... Fax: ..... Email: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu *có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Underlying securities code (for covered warrants):*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục *3 / Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above:* ..... tại công ty chứng khoán/In *the securities company:* .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/Number, *ownership percentage of shares/fund certlficates/covered warrants held before the transaction:*

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm **/Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants *;*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký

mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sale/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:*

- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:*

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ *Number of shares/fund certlflcates/covered warrants registered for trading:*

7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/The *expected value of transaction (which calculated based on par value).*

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants):*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number and ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants expected to hold after the transaction:*

9. Mục đích thực hiện giao dịch/*Purpose of transaction:*

10. Phương thức giao dịch*lMethod of transaction:*

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time:* từ *ngày/from....* đến ngày/ *to ....*

** Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/ Number,ownership percentage of underlying securities held at the day of the notice:*

Nơi nhận: *Recipients:* - ...; - Lưu: VT,.. - Archived:.	CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN *REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION* *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)* *(Signature, full name and seal -if any)*

10. Biểu mẫu 10 - THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Phụ lục XIV. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME

Số: ..../BC-....
No: ..../BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

..., ngày... tháng...năm....
..., month ... day ..... year ....

THÔNG BÁO

Giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES, CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIA TED PERSON OF INTERNAL PERSON

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao *dịch/Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức*/Name of individual/organisation:*
- Quốc *tịch/Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp */Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue*
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở *chính/Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* ..... Fax: ..... Email: .....Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý *quỹ /Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại *chúng)/Information of Internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of Internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of Internal person:*

- Quốc *tịch/Nationallty:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn *cước/ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý *quỹ/Current position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of indlvidual/organization executing the transaction with the Internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục *3 / Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3 above:*..... tại công ty chứng khoán/In *the securities company:* .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ *phiếu/Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction of executing rights of purchase or convert bonds into shares:*

6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/*Number of rights or convertible bonds owned:*

- Số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi*)/Number of convertible bonds owned (in case of exercising trading of convertible bonds or rights to buy convertible bonds):*

- Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi hiện

có/*Number of rights to purchase shares/fund certificates/convertible bonds owned currently:*

7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/*Proportion of executing rights to purchase (in case of trading the purchase right) or proportion of converting bonds into shares (in case of convertible bond trading):*

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi *(đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)* đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:*

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/Type *of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/lnherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký giao dịch/ *Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registeredfor trading:*

9. Giá trị chuyển nhượng dự kiến / *Expected transferred value:*

10. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/Number *of shares/fund certificates/ convertible bonds expected to hold after exercising the right to purchase or number of shares expected to hold after converting bonds into shares:*

11. Phương thức giao dịch/*Method of transaction:*

12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time:* từ ngày/from…. đến ngày/*to*....

Nơi nhận:
Recipients:
- ….;
- Lưu: VT, …
- Archived: …

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)
(Signature, full name and seal -if any)

11. Biểu mẫu 11 - BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Phụ lục XV. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME

Số: ..../BC-....
No: ..../BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

..., ngày... tháng...năm....
..., month ... day ..... year ....

BÁO CÁO

Kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:
- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao *(tiedInformation on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*
- Quốc *tịch/Nationality:*
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/p assport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:*..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu *có/ position at the public company, the fund management company on the registration date (if any):* ..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do*)/and the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the fund management company (specify the reason):*

**: Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/This item is only for cases in which the person subject to registration, after the trading registration, is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, fund management company.*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch *(đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/Information on the internal person of the public company/public fund who Is the affiliated person of individual/organisation conducting transaction (in case the person who conduct transaction is the affiliated person of internal person of the public company/publlc fund):*

- Họ và tên người nội bộ*/Name of internal person:*

- Quốc *tịch/Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID *card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ*/Telephone:* Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao *dịch/Position in the public company, the fund management company on the date when the individual/organisation mentioned in item 1 registers for the transaction:*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu *có)/Number, ownership percentage of shares/fund*

certificates/covered warrants held by the internal person (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:*

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Underlying securities code (in case of covered warrants):*

4.Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants as mentioned at item 3:* ..... tại công ty chứng khoán/In *securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction:*

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Number, ownership percentage of underlying securities (as mentioned at item 3) held before trading the covered warrants (in case of covered warrants):*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng /*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:*

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/Type *of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented /donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/Number *of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading:*

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua /bán/ cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Number of shares/fund certificates/covered warrants being traded (purchase/sell/present/be present/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap):*

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/Type *of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inher it/transfer/be transferred/swap):*

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants traded:*

8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/the *value of executed transaction (calculated based on par value):*

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch/ *Value of covered warrants traded (at the latest issuing price):*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch/Number, *ownership percentage*

of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction held by the person executing the transaction:

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan*/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction of the executor and affiliated person:*

10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm **/Number, ownership percentage of underlying securities held after trading the covered warrants *:*

11. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction:*

12. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Trading time:* từ *ngày/from.....* đến ngày/to

13. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/The *reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed):*

**: Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch/Number, ownership percentage of underlying securities held on the day of reporting the transaction results:*

Nơi nhận:
Recipients:
- ….;
- Lưu: VT, …
- Archived:…

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal -if any)

12. Biểu mẫu 12 - BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Phụ lục XVI. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME

Số: ..../BC-....
No: ..../BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

..., ngày... tháng...năm....
..., month ... day ..... year ....

BÁO CÁO

Kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUYSHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIA TED PERSON OF INTERNAL PERSON

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To:
- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao *dịch/Information on indivldual/organisation conducting the transaction:*

2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/Name *of individual/organlsation:*

- Quốc *tịch/Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi *cấp/Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of Issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Đia chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office*

- Điện thoại/*Telephone:* .....Fax:.....Email:....Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu *có)/ Position in the public company, the public fund management company on the date of trading registration (if any):* ..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do) **/and on the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the public fund management company (specify the reason) *:*

(: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng/This item is only for cases when the deadline of the trading registration is unexpired, the person subject to registration is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, the public fund management company/public fund).*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch *(đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/information on internal person of the public company/ public fund is the affiliated person of the individual/organisation executing the transaction (in case the trader is an affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person:*

- Quốc *tịch/Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn *cước/ID card/Passport No,:*

- Địa chỉ thường *trú/Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao *dịch/Position in the public company, the fund management company on the date when individual/organisation mentioned in item 1 registers the transaction:...*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý *quỹ/Current position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal*

person (if any):

3. Mã chứng khoán giao *dịch/Securities code:*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3:*..... tại công ty chứng khoán/in *the securities company:* .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi */Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the trading of convertible bonds, rights to buy shares/fund certificates, rights to buy convertible bonds:*

6. Số lượng trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi/*Number of convertible bonds before the transaction (in case of trading convertible bonds or rights to buy convertible bonds):*

7. Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch/ *Number of rights to buy shares/ fund certificates/ convertible bonds before the transaction:*

8. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Percentage of executing the rights to purchase or convert bonds into shares:*

9. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/Numbert *of rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:*

- Loại giao dịch đăng ký thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/ *Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký thực hiện/Number *of registered rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds):*

10. Số lượng quyền mua *(đối với giao dịch quyền mua)* hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi *(đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu)* đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of traded rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds) to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:*

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/Type *of transaction executed (to*

purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đã thực hiện/ *Number of executed rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds):*

11. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá hoặc giá phát hành)/The *value of executed transaction (calculated based on par value or issuing price):*

12. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/fund certificates convertible bonds expected to hold after exercising the right to buy or number of shares expected to hold after converting bonds into shares:*

13. Phương thức giao dịch/Method *of transaction:*

14. Thời gian thực hiện giao dịch/*Trading time:* từ ngày/from .... đến ngày/to

15. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/The *reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed):*

Trường hợp báo cáo kết quả giao dịch chuyển nhượng quyền cần gửi kèm tài liệu xác nhận giá trị giao dịch chuyển nhượng quyền/In *case of reporting the result of right transfer, documents certifying the value of right transfer shall have to be attached.*

Nơi nhận: *Recipients:* - ...; - Lưu: VT, ... - Archived: ...	CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN *REPORTING ORGANISATION /INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION* *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)* *(Signature, full name and seal -if any)*

13. Biểu mẫu 13 - ĐĂNG KÝ THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA TỔ CHỨC

CBTT/SGDHCM-01.Quyết định 340/QĐ-SGDCKHCM về Quy chế CBTT tại SGDCKHCM

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/*No.*: /

_____, ngày tháng năm
_____, *day month year*

ĐĂNG KÝ
THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA TỔ CHỨC

REGISTRATION OF
CONTACT INFORMATION OF ORGANIZATION

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức/ *Organization name:*
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*:
- Ngân hàng giám sát (nếu có)/ *Supervisory Bank (if any)*:
- Danh sách người đại diện theo pháp luật/ *List of company legal representatives*:

1.
2.

(Trong đó nêu rõ người đại diện theo pháp luật chuyên trách về công bố thông tin của Tổ chức)

- Địa chỉ liên lạc/ *Address*:
- Điện thoại/ *Telephone*: Fax:
- Email:_____ *(dùng để gửi và nhận thông tin từ SGDCK/ for receiving and sending information from and to Hochiminh Stock Exchange)*:
- Website:
- Thông tin thay đổi nếu có/ *Information change*:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/ *Effective date of the event*:

- Tài liệu đính kèm/Attachment:
- Tài liệu liên quan đến việc thay đổi thông tin/ Documents related to the change

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

14. Biểu mẫu 14 - CBTT TRÊN CỔNG THÔNG IN ĐIỆN TỬ CỦA UBCKNN VÀ SGDCKHCM

Phụ lục VI Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày21/12/2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG/ĐỊNH KỲ

EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE/PERIODIC

TÊN TỔ CHỨC

ORGANIZATION NAME

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...

No.: .../...

... , ngày ... tháng ... năm...
... , day...month ... year...

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization:

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

.....

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)

3.Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../... tại đường dẫn .../This information was published on the company's website on .../.../... (date), as in the link ....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/Documents on disclosed information.

15. Biểu mẫu 15 - BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CBTT/SGDHCM-03.Quyết định 340/QĐ-SGDCKHCM về Quy chế CBTT tại SGDCKHCM

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HOA XA HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/*No.*: /

_____, ngày tháng năm
_____, *day month year*

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
Kỳ báo cáo: 6 tháng/năm

INFORMATION ON CORPORATE GOVERNANCE
REPORTING PERIOD: SEMIANNUAL /ANNUAL

STT *No.*		**Câu hỏi** *Question*	**Phần trả lời** *Answer*
1	**Thông tin chung** - ***General Information***	Mã chứng khoán *Securities code*	
2		Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%) *Shareholding proportion of State shareholder (%)*	
3		Mô hình công ty (1 hoặc 2)/*Company's model (1 OR 2)* ▪ **1:** Theo Điểm a Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014 *According to Point a Item 1, Article 134, Law on Enterprise 2014.* ▪ **2:** Theo Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014 *According to Point b Item 1, Article 134, Law on Enterprise 2014*	
4		Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty? *Number of legal representatives?*	
5		Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2014 (Có/Không) *Company Charter built in accordance of Law on Enterprise 2014 (Yes/No)?*	
6		Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/ Bất	

	Đại hội đồng Cổ Đông - **The General Meeting of Shareholders**	thường *Date of Annual/Extraordinary General Meeting of Shareholders (if any)*	
7		Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo *Publish date of materials for General Meeting of Shareholders*	
8		Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông *Release date of The Resolution and Minute of General Meeting of Shareholders*	
9		Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành công ở lần thứ mấy (1/2/3) *General Meeting of Shareholders was successfully at 1st, 2nd or 3rd*	
10		Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không) *Is there any complaint, litigation related to General Meeting of Shareholders? (Yes/No)*	
11		Số lần bị Sở giao dịch chứng khoán nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông *No. of Warning by the Stock Exchange related to General Meeting of Shareholder*	
12		Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông *No. of Caution by the State Securities Commission related to General Meeting of Shareholders*	
13	**Hội đồng quản trị** - ***Board of Directors***	Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị *Number of BOD members*	
14		Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị độc lập *Number of independent BOD members*	

15		Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc (Có/Không) *Does Chair of the BOD concurrently hold the Chief Executive Officer / General Director position?*	
16		Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị *Number of BOD meetings*	
17		Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị (Có/Không) *Does the company establish sub-boards under the BOD?*	
18		Tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị/ *Name of sub-boards directly under the BOD?* Công ty có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự (Có/Không)	
19		*Is any independent Director in charge of wage, reward or personnel policy?*	
20		Trưởng BKS có làm việc chuyên trách tại công ty không? *Is the Head of Supervisory Board full-time contracted at the company?*	
21	**Ban kiểm soát** - ***Supervisory Board***	Số lượng TV Ban Kiểm soát *No. of member of Supervisory Board*	
22		Trong đó có bao nhiêu kiểm soát viên là kế toán viên/kiểm toán viên *Number of Supervisory Board's members is certified accountants/auditors*	
23		Số lượng kiểm soát viên là người liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác *(liệt kê tên của kiểm soát viên là người liên quan, nếu có)* *Number of Supervisory Board's Members is the related person of BOD members, CEO/General Director and other managers (detailed list)*	
		Số lượng kiểm soát viên nắm giữ chức vụ quản lý (liệt	

		kê danh sách và chức vụ, nếu có)	
24		*Number of Supervisory Board's Member holding managing position? (detailed list, if any)*	
		Số lượng kiểm soát viên là người trong bộ phận kế toán tài chính hay nhân viên công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho công ty trong **vòng 6 tháng** trước khi được bầu vào BKS (Có/Không)	
25		*Number of Supervisory Board's Member worked in the financial and accounting department or as the auditor for the company in the previous 6 months?*	
		Số lượng cuộc họp Ban kiểm soát	
26		*Number of meetings of Supervisory Board*	
		Công ty có Ban kiểm toán nội bộ không (Có/Không)	
27		*Does company have Internal audit committee (Yes/No)*	
		Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc bộ phận nào? (HĐQT/BGĐ/BKS/Khác)	
28		*To whom Internal Audit Committee reporting? (BoD/ BoM/Supevisory Board/Others)*	
		Số lượng thành viên Ban kiểm toán nội bộ	
29		*Number of members of Internal Audit Committee*	
		Số lượng cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ	
		Number of meetings of Internal Audit Committee	
30	**Vấn đề khác**	Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không)	
	-	*Does the company's website provide sufficient information to shareholders as stipulated? (Yes/No)*	
	Other issues	Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Có/Không)	
31		*Dividendd is paid within 6 months after the Annual General Meeting of Shareholders? (Yes/No)*	

		Công ty có bị Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan không? (Có/Không)	
32		*Does the Stock Exchange or the State Securities Commission warn the company on illegally transactions with related parties? (Yes/No)*	

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

16. Biểu mẫu 16 - DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ PHIẾU QUỸ

CBTT/SGDHCM-04.Quyết định 340/QĐ-SGDCKHCM về Quy chế CBTT tại SGDCKHCM

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/*No.*: /

_____, ngày tháng năm
_____, *day month year*

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ PHIẾU QUỸ

LIST OF STATE SHAREHOLDERS, STRAGIC SHAREHOLDERS, MAJOR SHAREHOLDERS AND TREASURY STOCKS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

Mã chứng khoán	STT	Đối tượng	Phân loại cổ đông / *Shareholder by type*			Số CMND / số đăng ký sở hữu lưu ký	Ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng CP đã được lưu ký	Ngày chốt danh sách sở hữu	Ghi chú
			Cổ đông nhà nước	Cổ đông chiến lược	Cổ đông lớn						
Securities symbol	*NO.*	*Subject*	*State shareholder*	*Strategic shareholder*	*Major shareholder*	*ID number, Registration number at VSD*	*Issue date, place*	*No. of share owning*	*No. of share deposited at VSD*	*Registration date*	*Note*
	I. Cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn/ *State shareholder, Strategic shareholder, Major shareholder*										
		Tên cá nhân/ tổ chức (tên người đại diện)/									

Mã chứng khoán	STT	Đối tượng	Phân loại cổ đông *Shareholder by type*			Số CMND / số đăng ký sở hữu lưu ký	Ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng CP đã được lưu ký	Ngày chốt danh sách sở hữu	Ghi chú
			Cổ đông nhà nước	Cổ đông chiến lược	Cổ đông lớn						
		Name of person/ organization									
	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	II. Cổ phiếu quỹ /*Treasury stocks*										

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

17. Biểu mẫu 17 - THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

Phụ lục I.Quyết định 21/QĐ-SGDVN ban hành Quy chế CBTT tại SGDCKVN và công ty

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

CHANGE IN PERSONNEL

TÊN TỔ CHỨC

ORGANIZATION NAME

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...

No.: .../...

... , ngày ... tháng ... năm...
... , day...month ... year...

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

CHANGE IN PERSONNEL

(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm

Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số... ngày ... và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số... ngày ..., của Công ty... (tên tổ chức), chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty... (tên tổ chức) như sau:

Based on Board Resolution No. ... dated ... and/or General Mandate No. ... dated ... of ... (name of organization), we would like to announce the change in personnel of ...(name of organization) as follows:

Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (*):

- Ông (bà)/Mr./Ms.:

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization:

- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position:

- Thời hạn bổ nhiệm/Term:

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date

Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/In case of dismissal/resignation:

- Ông (bà)/Mr./Ms.:

- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position:

- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any):

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày.../.../... tại đường dẫn.../This information was published on the company's website on .../.../... (date), as in the link....

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người dại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
- Quyết định HĐQT/Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự;
Board Resolution and/or General Mandate on the change in personnel.
- Danh sách người có liên quan (Phụ lục II - Danh sách người nội bộ và những người có liên quan)
List of related persons (Appendix II - List of insiders and their related persons).

18. Biểu mẫu 18 - THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Phụ lục II.Quyết định 21/QĐ-SGDVN ban hành Quy chế CBTT tại SGDCKVN và công ty

THÔNG BÁO THAY ĐỔI

NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIDERS

TÊN TỔ CHỨC **ORGANIZATION NAME** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness** _____
Số: .../... No.: .../...	... , ngày ... tháng ... năm.... ... , day...month ... year...

THÔNG BÁO THAY ĐÓI

NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIĐERS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Hochiminh Stock Exchange

1. Người nội bộ/Insider

- Ông (bà)/Mr./Ms.:

- Chức vụ hiện tại/Current position:

2. Người có liên quan/Related person:

- Ông (bà)/Mr./Ms.:

- Địa chỉ liên lạc/Address:

- Điện thoại/Tel.:

- E-mail:

- Số ID, ngày cấp/ ID number, Date of issue:

- Mối quan hệ mới phát sinh/Mối quan hệ trước đây với người nội bộ/Relationship/Former relationship with insider:
- Lý do phát sinh mối quan hệ liên quan/không còn liên quan/Reason for relationship/no longer being related:
- Số lượng cổ phiếu của cá nhân/đại diện sở hữu/ Shareholding (shares):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

19. Biểu mẫu 19 - THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BCTC

Phụ lục IV.Quyết định 21/QĐ-SGDVN ban hành Quy chế CBTT tại SGDCKVN và công ty

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

Số/*No.*: /

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

_____, ngày tháng năm
_____, *day month year*

THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ (THAY ĐỔI) MÔ HÌNH CÔNG TY

VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ANNOUNCEMENT OF REGISTRATION (CHANGE IN) CORPORATE STRUCTURE AND FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/202020/TT-BTC, Công ty ... (tên tổ chức) xin thông báo về việc đăng ký (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (BCTC) như sau:

Based on point a, clause 1 Article 10 of Circular No.96/2020/TT-BTC, we would like to make the announcement of registration (change in) corporate structure and financial statements as follows:

- Tên tổ chức/Name of organization :
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

I. Thông tin đăng ký lần đầu/trước khi thay đổi/Initial disclosed information/Information before change:

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/Corporate structure (tick on applicable option only):

☐ Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/Having no affiliates or sub-units

☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc/Having sub-units

☐ Có công ty con/Having affiliates

☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/Having affiliates and sub-units

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):

☐ BCTC riêng của công ty/Uncombined/Unconsolidated Financial statements

☐ BCTC tổng hợp/Combined financial statements

☐ BCTC hợp nhất/Consolidated financial statements

II. Thông tin sau khi thay đổi (chỉ áp dụng khi thay đổi mô hình và loại BCTC)/ Information after change (Applicable to change of corporate structure and financial statements only)

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/Corporate structure (tick on applicable option only):

☐ Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/Having no affiliates or sub-units

☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc/Having sub-units

☐ Có công ty con/Having affiliates

☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/Having affiliates and sub-units

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):

☐ BCTC riêng của công ty/Uncombined/Unconsolidated financial statements

☐ BCTC tổng hợp/Combined financial statements

☐ BCTC hợp nhất/Consolidated financial statements

3. Lý do thay đổi/Reason for change:

4. Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:
Tài liệu liên quan đến việc thay đổi thông tin đã đăng ký.

Documents on the changes in the registered information.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

20. Biểu mẫu 20 - THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Phụ lục V.Quyết định 21/QĐ-SGDVN ban hành Quy chế CBTT tại SGDCKVN và công ty con

TÊN TỔ CHỨC ORGANIZATION NAME	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM* *Independence - Freedom - Happiness*
Số/*No.*: /	_____, ngày tháng năm _____, *day month year*

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

CHANGE IN NUMBER OF SHARES WITH VOTING RIGHTS

Kính gửi/To: -Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

STT No.	Nội dung Contents	Trước khi thay đổi Before change	Thay đổi Change	Sau khi thay đổi After change	Lý do thay đổi Reason for change
1	Vốn điều lệ (VNĐ) Charter capital (VND)				
2	Tổng số cổ phiếu Total number of shares				
3	Số lượng cổ phiếu quỹ Number of treasury shares				
STT No.	**Nội dung Contents**	**Trước khi thay đổi Before change**	**Thay đổi Change**	**Sau khi thay đổi After change**	**Lý do thay đổi Reason for change**

4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết Number of shares with voting rights				
5	Số lượng cổ phiếu khác (nếu có) Others (if any)				

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi/các tài liệu khác có liên quan

-Securities Registration Certificate on the change/Other related documents

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Person authorized to disclose information;

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)

21. Biểu mẫu 21 - TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY_ĐỂ_

CBTT/SGDHCM-09.Quyết định 340/QĐ-SGDCKHCM về Quy chế CBTT tại SGDCKHCM

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

Số/*No.*: /

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

_____, ngày tháng năm
_____, *day month year*

TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY _ ĐỂ _
SHAREHOLDING STRUCTURE REGISTERED ON DATE _ FOR THE PURPOSE OF _

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ ***SHAREHOLDING STRUCTURE:***

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ *Shareholding structure on type of shareholder basis*

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*) *Shareholding structure*	
					Tổ chức	*Cá nhân*
NO.	*Subject*	*Number of shares*	*Proportional ownership (%)*	*Number of shareholders*	*Institution*	*Individual*
1	Cổ đông Nhà nước/*The State as shareholder*					
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI/ *Founder/ FDI Shareholder*					

	- *Trong nước/ Domestic*					
	- *Nước ngoài/ Foreign*					
3	Cổ đông lớn/ *Major Shareholders*					
	- *Trong nước/Domestic*					
	- *Nước ngoài/Foreign*					
4	Công đoàn Công ty/ *Labor Union*					
	- *Trong nước/Domestic*					
	- *Nước ngoài/Foreign*					
5	Cổ phiếu quỹ/ *Treasury shares*					
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ *Preferred stocks*					
7	Cổ đông khác/ *Other shareholders*					
	- *Trong nước/ Domestic*					
	- *Nước ngoài/Foreign*					
TỔNG CỘNG/ *TOTAL*						
Trong đó: *- Trong nước/Domestic*						
- Nước ngoài/Forein						

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐT CKCN)*Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis*

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông *(*)*/ *Shareholding structure*	
					Tổ chức	***Cá nhân***
NO.	*Subject*	*Number of Share*	*Proportional ownership (%)*	*Number of Shareholders*	*Institution*	*Individual*
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN/ *Major Shareholders (excluding Profestional investors)*					
	- Trong nước/ Domestic					
	- Nước ngoài/ Foreign					
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VĐL trở lên/ *Profestional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital*					
	- Trong nước/ Domestic					
	- Nước ngoài/ Foreign					
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VĐL *Profestional investors which hold share in an amount under 5 % of the paid-up capital*					
	- Trong nước/ Domestic					
	- Nước ngoài/ Foreign					
TỔNG CỘNG/ *Total*						

Ghi chú/ *Note*:

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Khoản 11 Điều 6 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11.
Profestional investor term is defined in Clause 11 Article 6 Security Law No 70/2006/QH11

- Cổ đông lớn là cổ đông nắm giữ cổ phiếu tương đương 5% vốn điều lệ hoặc hơn
Major shareholders are those holding >5% of paid-up capital of a company.

- (*): nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình
(*): Count the number of institution, individual.

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu

a/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập

Shareholding structure after a merger or an additional issuance

Đối tượng	Số lượng CP trước phát hành/ sáp nhập		Số lượng CP phát hành/ hoán đổi để sáp nhập		Số lượng CP sau phát hành thêm/ sáp nhập			
	Number of Shares before the additional issuance/merger		*Number of Share issuance /issued for the merger*		*Number of Shares after the additional issuance /Merger*			
	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Subject	*Transfer restriction*	*Free transfer*	*Transfer restriction*	*Free transfer*	*Transfer restriction*	*Free transfer*	*Total*	*Proportional ownership (%)*
I. Người nội bộ/ *Internal persons*								
II. Cổ phiếu quỹ/ *Treasury Shares*								
III. Công đoàn Công ty/ *Labor Union*								

Đối tượng *Subject*	Số lượng CP trước phát hành/ sáp nhập *Number of Shares before the additional issuance/merger*		Số lượng CP phát hành/ hoán đổi để sáp nhập *Number of Share issuance /issued for the merger*		Số lượng CP sau phát hành thêm/ sáp nhập *Number of Shares after the additional issuance /Merger*			
	Hạn chế chuyển nhượng *Transfer restriction*	Chuyển nhượng tự do *Free transfer*	Hạn chế chuyển nhượng *Transfer restriction*	Chuyển nhượng tự do *Free transfer*	Hạn chế chuyển nhượng *Transfer restriction*	Chuyển nhượng tự do *Free transfer*	Tổng cộng *Total*	Tỷ lệ sở hữu (%) *Proportional ownership (%)*
IV. Cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ *Preferred stock*								
V. Cổ đông khác/ *Other shareholders*								
1. Trong nước/ *Domestic*								
1.1 Cá nhân/ Individual								
1.2 Tổ chức/ Institutional - *Trong đó Nhà nước/ State-shareholder owning:*								
2. Nước ngoài/ *Foreign*								
2.1 Cá nhân/ Individual								
2.2 Tổ chức/ Institutional								
TỔNG CỘNG/ *TOTAL*								

b/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung sau đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu

For use of additional listing application (Shareholding structure after the conversion of bond)

Đối tượng	**SL trái phiếu chuyển đổi sở hữu**	**SL trái phiếu được chuyển đổi**	**Số lượng cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu (cổ phiếu)** *Number of shares issued for the converted bond*			
			Hạn chế chuyển nhượng	**Chuyển nhượng tự do**	**Tổng cộng**	**Tỷ lệ SH CP mới trên tổng số CP được chuyển đổi (%)**
Subject	*Total convertible Bonds*	*Number of bonds converted to shares*	*Transfer restriction*	*Free transfer*	*Total*	*Proportional ownership (%) over Total shares issued for the conversion*
I. Người nội bộ/*Internal persons*						
II. Cổ phiếu quỹ/ *Treasury stocks*						
III. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ *Shareholders own preferred stocks*						
IV. Cổ đông khác/ *Other shareholders*						
1. Trong nước/ *Domestic*						
1.1 Cá nhân/ *Individual*						
1.2 Tổ chức/ *Institutional* - *Trong đó Nhà nước/State Shareholders:*						

Đối tượng	SL trái phiếu chuyển đổi sở hữu	SL trái phiếu được chuyển đổi	Số lượng cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu (cổ phiếu) *Number of shares issued for the converted bond*			
			Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ SH CP mới trên tổng số CP được chuyển đổi (%)
Subject	*Total convertible Bonds*	*Number of bonds converted to shares*	*Transfer restriction*	*Free transfer*	*Total*	*Proportional ownership (%) over Total shares issued for the conversion*
***2. Nước ngoài/** Foreign*						
2.1 Cá nhân/ *Individual*						
2.2 Tổ chức/ *Institutional*						
TỔNG CỘNG/*TOTAL*						

c/ Các trường hợp khác/ *Other cases:*

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Subject	*Number of transfer restriction shares*	*Number of free transfer shares*	*Total*	*Proportional ownership (%)*
I. Người nội bộ/ *Internal persons*				
II. Cổ phiếu quỹ/ *Treasury stocks*				
III. Công đoàn Công ty/ *Labor Union*				

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Subject	*Number of transfer restriction shares*	*Number of free transfer shares*	*Total*	*Proportional ownership (%)*
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ *Shareholders own preferred stocks (If any)*				
V. Cổ đông khác/ *Other Shareholders*				
I. Trong nước/ *Domestic*				
1.1 Cá nhân/ *individual*				
1.2 Tổ chức/ *Institutional* - *Trong đó Nhà nước/State Shareholders:*				
2. Nước ngoài/ *Foreign*				
2.1 Cá nhân/ *Individual*				
2.2 Tổ chức/ *Institutional*				
TỔNG CỘNG/*TOTAL*:				

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT
LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE:

STT	**Tên tổ chức/cá nhân/**	**Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/**	**Ngày cấp**	**Địa chỉ**	**Số lượng cổ phiếu/**	**Tỷ lệ sở hữu (%)**	**Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)**
No	*Name of organization/ individual*	*ID/Passport number*	*Date of issue*	*Place of issue*	*Number of stock*	*Proportional ownership (%)*	*Number of transfer restriction shares*
***A. Cổ đông nhà nước**/State shareholders*							
Tổng Cộng A/ *Total A*							
***B. Cổ đông lớn/** Major Shareholders*							
Tổng Cộng B/ *Total B*							
***C. Cổ đông chiến lược/** Strategic shareholders*							

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	*Name of organization/ individual*	*ID/Passport number*	*Date of issue*	*Place of issue*	*Number of stock*	*Proportional ownership (%)*	*Number of transfer restriction shares*
Tổng Cộng C/ *Total C*							
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ *Founding partner/FDI Shareholder (in case Listed company is a FDI company)*							
Tổng Cộng D/ *Total D*							
Tổng Cộng (A+B+C+D)/ *Total (A+B+C+D)*							

Ghi chú/ Note:

Trường hợp là cổ đông Nhà nước: cần ghi rõ tên người đại diện sở hữu cổ phần nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết (nếu có).

In case of State Shareholders: Note the name of persons represent for the ownership of the State.

III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
DETAILED SHAREHOLDING OF INTERNAL PERSONS

1/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập

Shareholding structure after the merger or additional issuance (for additional listing application)

STT *No.*	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP phát hành/ hoán đổi để sáp nhập *Number of Share issuance /issued for the merger*		Số lượng CP sau phát hành/ sáp nhập *Number of shares after the additional issue/ merger*			
			Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Hạn chế chuyển nhượng(*)	Chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)
	Name	*Position*	*Transfer restriction*	*Free transfer*	*Transfer restriction*	*Free transfer*	*Total*	*Proportional ownership (%)*
TỔNG CỘNG/*TOTAL*:								

***Ghi chú/** Note: Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu (*)*

If Internal persons are those who represent for the insitution investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, there shall be detailed information of the share ownership and portion representation of each person in column that has symbol (*)

2/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung cho đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu

For use of additional listing application (Shareholding structure after the conversion of bond)

STT	Họ tên	Chức vụ	SL CP được chuyển đổi từ trái phiếu *Number of shares converted from bonds*		Tổng SL CP sở hữu sau khi chuyển đổi trái phiếu thành CP/ *Total number of stocks after the conversion*			
			Hạn chế chuyển nhượng(*)	Chuyển nhượng tự do (*)	Hạn chế chuyển nhượng (*)	Chuyển nhượng tự do (*)	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)(*)
No.	*Name*	*Position*	*Transfer restriction*	*Free transfer*	*Transfer restriction*	*Free transfer*	*Total*	*Proportional ownership (%)*
TỔNG CỘNG/ *TOTAL*								

Ghi chú/*Note*: Nếu người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu (*)

If Internal persons are those who represent for the insitution investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, there shall be detailed information of the share ownership and portion representation of each person in column that has symbol (*)

3/ Trường hợp khác

For use of other cases:

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
No.	*Name*	*Position*	*Number of Transfer restriction shares*	*Number of Free transfer shares*	*Total*	*Proportional ownership (%)*
TỔNG CỘNG/ *TOTAL*:						

Ghi chú/ Note: *Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu (*)*

If Internal persons are those who represent for the insitutional investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, there shall be detailed information of the share ownership and portion representation of each person in column that has symbol (*)

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

22. Biểu mẫu 22 - THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG

Phụ lục III.Quyết định 21/QĐ-SGDVN ban hành Quy chế CBTT tại SGDCKVN và công ty con

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ORGANIZATION NAME	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
	Independence - Freedom - Happiness
Số: .../...	_____
No.: .../...	... , ngày ... tháng ... năm... ... , day...month ... year...

THÔNG BÁO THAY DỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG

CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động số ... ngày .../.../..., do (cơ quan) ... cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:
Based on the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation / License of Operation No. ... dated .../.../... issued by ..., we would like to announce the change in the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation /License of Operation as follows:

- Tên tổ chức/Name of organization :
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:
-Địa chỉ/Address:

- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:

- E-mail:

- Website:

1. Thông tin trước khi thay đổi/Information before change:

2. Thông tin sau khi thay đổi/Information after change:

3. Lý do thay đổi (nếu có)/Reason for change (if any):

4. Ngày có hiệu lực/Effective date:

5. Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động/Receipt date of new certificate of business registration/license of establishment and operation/license of operation:

6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../... tại đường dẫn .../This information was published on the company's website on .../.../... (date), as in the link ....

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
Giấy phép hoạt động mới
New Certificate/License

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

23. Biểu mẫu 23 - THÔNG BÁO VỀ NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN

Mẫu 07/THQ. Quyết định 109/QĐ-VSD về quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán

TÊN TCPH
Số:
V/v

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền.....)

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Tên Tổ chức phát hành:
Tên giao dịch:
Trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:

Chúng tôi thông báo đến Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán: *(ghi rõ Cổ phiếu/Trái phiếu doanh nghiệp/chứng chỉ quỹ Công ty...)*
Mã chứng khoán:
Loại chứng khoán: - Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết/hoàn lại/cổ tức...
- .....
(ghi rõ các trường hợp ưu đãi nếu có phát hành)
Mệnh giá giao dịch:
Sàn giao dịch: *(ghi rõ HOSE, HNX, UPCOM, chỉ ĐKCK tại VSD...)*
Ngày đăng ký cuối cùng: *(ghi rõ ngày đăng ký cuối cùng phải là ngày làm việc)*

1. Lý do và mục đích *(ghi rõ những nội dung thực hiện)*

- Thực hiện /tham dự đại hội đồng cổ đông/ đại hội nhà đầu tư/hội nghị người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp, lấy ý kiến cổ đông/nhà đầu tư/người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp bằng văn bản;

- Thanh toán lãi, vốn gốc Công cụ nợ/trái phiếu doanh nghiệp/Chi trả cổ tức, lợi tức bằng tiền/Tạm ứng cổ tức, lợi tức bằng tiền;

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu, trả lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

- Mua chứng khoán;

- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi;

- Hoán đổi cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp ;

- Mua lại trái phiếu doanh nghiệp trước hạn của TCPH;

- Thanh toán tiền cho cổ đông khi doanh nghiệp giải thể hoặc thanh toán tiền cho người sở hữu chứng chỉ quỹ khi đóng quỹ;

- Thực hiện hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông hiện hữu để giảm vốn điều lệ;

- Thực hiện mua lại cổ phiếu/trái phiếu doanh nghiệp của cổ đông hiện hữu

- TCPH là công ty đại chúng sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu;

2. Nội dung cụ thể *(ghi rõ những nội dung thực hiện)*

a. Thực hiện lấy ý kiến cổ đông/nhà đầu tư/người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp bằng văn bản/tham dự đại hội đồng cổ đông/đại hội nhà đầu tư/hội nghị người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp

- Tỷ lệ thực hiện:

* Đối với cổ phiếu:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: 1cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi biểu quyết: 1 cổ phiếu - ....quyền biểu quyết

* Đối với chứng chỉ quỹ: 1 chứng chỉ quỹ - 1 quyền biểu quyết

* Đối với trái phiếu doanh nghiệp: 1 trái phiếu - 1 quyền biểu quyết

- Thời gian thực hiện:.....

- Địa điểm thực hiện:.....

- Nội dung họp/lấy ý kiến:.....

b. Thanh toán lãi, vốn gốc /Công cụ nợ/Trái phiếu doanh nghiệp/Chi trả cổ tức, lợi tức bằng tiền/Tạm ứng cổ tức, lợi tức bằng tiền/TCPH thực hiện hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông hiện hữu để giảm vốn điều lệ

- Tỷ lệ thực hiện: % (1 cổ phần được nhận đồng)

+ Đối với cổ phiếu: ....%/cổ phiếu (01cổ phiếu được nhận ..... đồng)

(Trường hợp có loại cổ phiếu ưu đãi cổ tức thì phải ghi rõ tỷ lệ chi trả của từng loại cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi cổ tức)

+ Đối với chứng chỉ quỹ/trái phiếu doanh nghiệp: ....%/chứng chỉ quỹ/trái phiếu (01 chứng chỉ quỹ/trái phiếu được nhận ..... đồng)

- Ngày thanh toán: *(Ghi rõ ngày thanh toán cổ tức và ngày thanh toán cổ tức này phải là ngày làm việc)*

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức /lợi tức/lãi, gốc trái phiếu doanh nghiệp tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức /lợi tức/lãi, gốc trái phiếu doanh nghiệp tại ..... (*vào các ngày làm việc trong tuần hoặc vào các ngày trong tuần...*) bắt đầu từ ngày .....(*ngày này phải trùng với ngày thanh toán nêu trên)* và xuất trình chứng minh nhân dân.

c. Trả cổ tức bằng cổ phiếu, trả lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, TCPH thực hiện mua lại cổ phiếu của cổ đông hiện hữu; TCPH sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu:.

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: ..... (Người sở hữu ....cổ phiếu được nhận....cổ phiếu mới/được bán lại .....cổ phiếu)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữu ....cổ phiếu được nhận....cổ phiếu mới/được bán lại .....cổ phiếu)

+ Đối với chứng chỉ quỹ: .....(Người sở hữu ....chứng chỉ quỹ được nhận....chứng chỉ quỹ mới))

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu/chứng chỉ quỹ lẻ (nếu có):

- Ví dụ: *(ghi rõ một ví dụ cụ thể trong đó có cả xử lý phần lẻ)*

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu/nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/lợi tức bằng chứng chỉ quỹ/bán lại cổ phiếu cho TCPH/nhận cổ phiếu được chia từ cổ phiếu quỹ tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu/nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/lợi tức bằng chứng chỉ quỹ/bán lại cổ phiếu cho TCPH/nhận cổ phiếu được chia từ cổ phiếu quỹ tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

d. Thực hiện quyền mua cổ phiếu

- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành:

- Giá phát hành:

- Tỷ lệ thực hiện: ..... (... cổ phiếu được hưởng ... quyền, ... quyền được mua..... cổ phiếu mới).

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có):

- Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*

- Quy định về chuyển nhượng quyền mua:
+ Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày.....đến ngày.....
+ Quyền mua được chuyển nhượng.... lần
- Quy định về chứng khoán đặt mua:
+ Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày.....đến ngày.....
+ Chứng khoán đặt mua là loại tự do chuyển nhượng/hạn chế chuyển nhượng....
- Địa điểm thực hiện:
+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại.....
- Thông tin về tài khoản phong toả đặt mua chứng khoán:
+ Tên chủ tài khoản:.....
+ Số TK: .....
+ Nơi mở TK:.....

đ. Thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi

- Tỷ lệ chuyển đổi: ..... (01 trái phiếu được chuyển đổi thành .....cổ phiếu).
- Phương án làm tròn, phương án xử lý trái phiếu không chuyển đổi hết hoặc phần lẻ (nếu có):
- Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*
- Thời gian đăng ký chuyển đổi: Từ ngày.....đến ngày.....
- Địa điểm thực hiện:
+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển đổi trái phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký
+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển đổi trái phiếu tại.....

e. Hoán đổi cổ phiếu/trái phiếu doanh nghiệp

- Tỷ lệ hoán đổi:
+ Đối với cổ phiếu phổ thông: ..... (Người sở hữu ....cổ phiếu... được nhận....cổ phiếu...)
+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữu ....cổ phiếu... được nhận....cổ phiếu ...)
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có):
- Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*
- Đối với chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch:
+ Ngày hủy niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán:
+ Ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch chứng khoán:
+ Bắt đầu từ ngày..... cổ phiếu..... (mã chứng khoán) không còn giá trị giao dịch mua bán và chuyển nhượng trên thị trường.

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

g. Thanh toán tiền cho cổ đông khi doanh nghiệp giải thể

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: ....%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận ..... đồng)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi: ....%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận ..... đồng)

- Ngày thanh toán: *(Ghi rõ ngày thanh toán tiền cho cổ đông và ngày thanh toán tiền cho cổ đông phải là ngày làm việc)*

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại ..... (*vào các ngày làm việc trong tuần hoặc vào các ngày trong tuần...*) bắt đầu từ ngày .....*(ngày này phải trùng với ngày thanh toán nêu trên)* và xuất trình chứng minh nhân dân.

Công ty chúng tôi cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, các chi phí giải thể doanh nghiệp theo quy định và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu khiếu kiện phát sinh do chưa thanh toán các khoản nợ và chi phí giải thể công ty theo quy định

h. Thanh toán tiền cho người sở hữu chứng chỉ quỹ khi đóng quỹ

- Tỷ lệ thực hiện: ....%/chứng chỉ quỹ (01 chứng chỉ quỹ được nhận ..... đồng)

- Thời gian thực hiện: *(Ghi rõ ngày thanh toán tiền cho nhà đầu tư và ngày thanh toán tiền cho nhà đầu tư phải là 01 ngày làm việc)*

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại ..... (*vào các ngày làm việc trong tuần hoặc vào các ngày trong tuần...*) từ ngày .....*(ngày này phải trùng với thời gian thực hiện nêu trên)* và xuất trình chứng minh nhân dân.

Công ty chúng tôi cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ và các chi phí đóng quỹ và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu khiếu kiện phát sinh do chưa thanh toán các khoản nợ và chi phí khi đóng quỹ theo quy định

i. Thực hiện hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông hiện hữu để giảm vốn điều lệ:

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: ..... (Người sở hữu ....cổ phiếu bị hủy....cổ phiếu)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữu ....cổ phiếu bị hủy ...cổ phiếu)
+ Đối với chứng chỉ quỹ: .....(Người sở hữu ....chứng chỉ quỹ bị hủy....chứng chỉ quỹ)
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu/chứng chỉ quỹ lẻ (nếu có):
- Ví dụ: *(ghi rõ một ví dụ cụ thể trong đó có cả xử lý phần lẻ)*
- *Hình thức hoàn trả:*
- *Điều kiện hoàn trả:*
- *Mức hoàn trả:*
- Địa điểm thực hiện:
+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục xác nhận giảm số lượng cổ phiếu sở hữu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục xác nhận giảm số lượng cổ phiếu sở hữu tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

k. Mua lại cổ phiếu/Trái phiếu doanh nghiệp

- Số lượng chứng khoán tổ chức phát hành dự kiến mua:
- Tỷ lệ thực hiện: Số chứng khoán mua lại/số chứng khoán sở hữu của nhà đầu tư:
- Giá mua lại mỗi cổ phiếu/trái phiếu: .... đồng/cổ phiếu/trái phiếu
- Ngày thanh toán tiền mua lại:
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu TCPH không mua hết(đối với cổ phiếu)
- Ví dụ
- Thời gian đăng ký bán lại cổ phiếu/trái phiếu cho TCPH: từ ngày..... đến ngày .....
- Địa điểm thực hiện:
+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục bán lại cổ phiếu/trái phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.
+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục bán lại cổ phiếu/trái phiếu tại .....bắt đầu từ ngày.....và xuất trình chứng minh nhân dân.

Đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào địa chỉ sau:

- Địa chỉ nhận Danh sách (bản cứng):.....
- Địa chỉ email nhận file dữ liệu: *(Ghi rõ địa chỉ email của TCPH trong trường hợp TCPH muốn VSD gửi file dữ liệu Danh sách người sở hữu chứng khoán)*

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGDCK...;
- Lưu...

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CHỦ TỊCH HĐQT/NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

(chữ ký, họ tên, đóng dấu)

**** Tài liệu đính kèm***

Ghi rõ tên các tài liệu phải gửi kèm Thông báo được quy định tại Điều 10 Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán (nếu có) và lưu ý phải đóng dấu giáp lai đầy đủ các tài liệu đính kèm